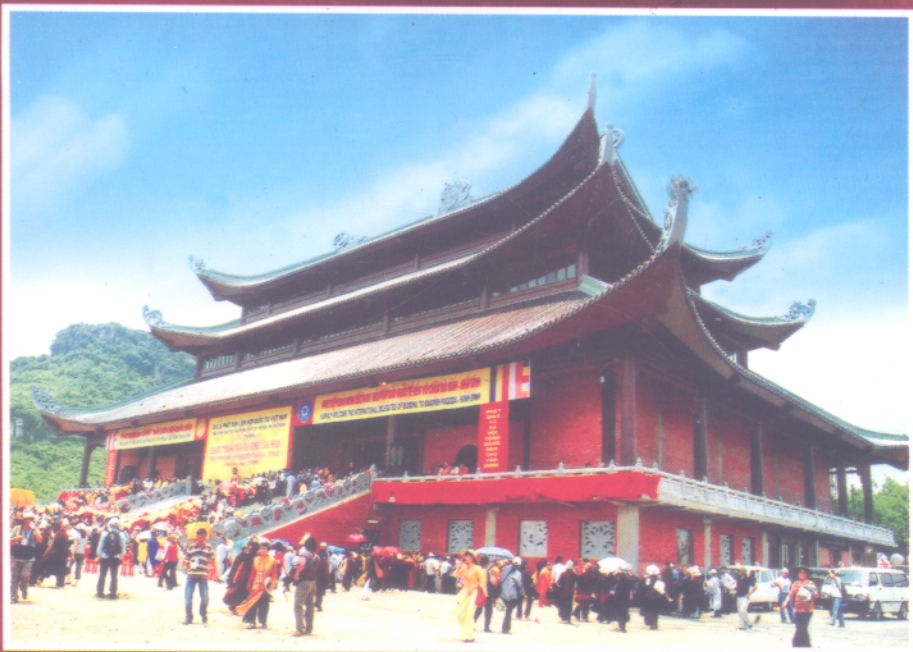


LÃ DẰNG BẬT

CHÙA BÁI ĐÌNH



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

Hà Nội - 2008



LÃ DẰNG BẬT

Quê: Hoa Lư - Ninh Bình

Cử nhân văn học
Hội viên Hội VHNT
Ninh Bình

Nghề nghiệp: Dạy học

Giải thưởng VHNT
Trưởng Hán Siêu
Ninh Bình

Giải thưởng VHNT
của Ủy ban
toàn quốc liên hiệp
các Hội VHNT Việt Nam



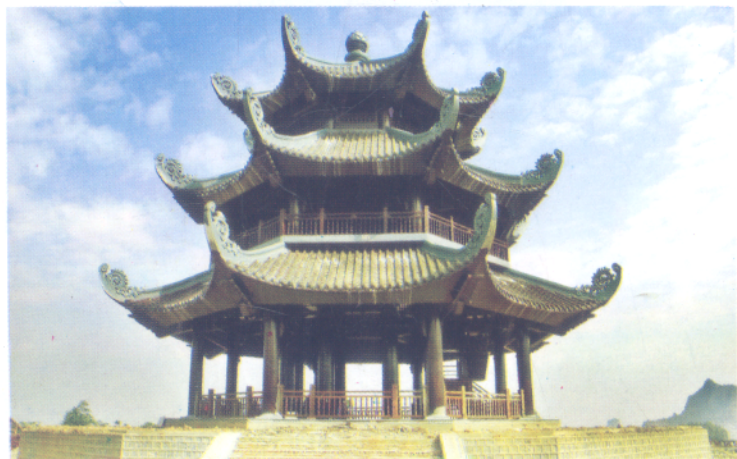
Pho tượng Phật Thích Ca bằng đồng nặng 100 tấn

Ảnh: MINH TUÂN



Ba pho tượng Tam Thế bằng đồng, mỗi tượng nặng 50 tấn

Ảnh: NINH MẠNH THẮNG



Tháp chuông treo quả chuông nặng 36 tấn

Ảnh: NINH MẠNH THẮNG



Quả chuông nặng 27 tấn

Ảnh: TL



Điện thờ Quan Thế Âm Bồ Tát

Ảnh: NINH MẠNH THẮNG



500 vị La Hán đá

Ảnh: MINH TUÂN



Giếng Ngọc lớn nhất Việt Nam

Ảnh: THẾ MINH



*Tam Tòa Thánh Mẫu bằng đồng dát vàng
trong hang Tối ở núi Bái Đính*

Ảnh: THẾ MINH



*Tượng Hộ Pháp (Ông Ác) bằng đồng
trong hang Sáng thờ Phật ở núi Bái Đính*

Ảnh: THẾ MINH



*Tượng thần Cao Sơn bằng gỗ
trong hang cao nhất ở núi Bái Đính*

Ảnh: THẾ MINH



*Tượng Quốc sư Nguyễn Minh Không bằng đồng
đát vàng trong đền thờ Nguyễn Minh Không
bên sườn núi Bái Đính*

Ảnh: THẾ MINH

LÃ ĐĂNG BẬT

CHÙA BÁI ĐÍNH
KHU TÂM LINH LỚN NHẤT VIỆT NAM
(In lần thứ 2, có sửa chữa và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HÀ NỘI - 2008

CHÙA BÁI ĐÍNH

KHU TÂM LINH LỚN NHẤT VIỆT NAM

Du khách đến thăm Cố đô Hoa Lư lịch sử thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, không thể không đi tiếp thăm chùa Bái Đính - Khu tâm linh lớn nhất Việt Nam.

Từ đền thờ Vua Lê Đại Hành theo đường của xã Trường Yên đi về phía bắc đến gần đê Trường Yên, rẽ trái, vào đường Nguyễn Văn Trỗi, đi tiếp khoảng 5km là đến con đường nằm bên phải đi vào chùa Bái Đính.

Chùa Bái Đính thuộc thôn Sinh Dược, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Nhìn từ xa, khu chùa Bái Đính mới được xây dựng toạ lạc trên các quả đồi, từ thấp đến cao, 5 cấp theo đường chính đạo: đầu tiên là Tam quan Nội, đến tháp chuông, điện Quan Thế Âm Bồ Tát, điện thờ Phật Tổ và trên cùng là toà Tam Thế.

Toàn cảnh như là những tấm phù điêu độc đáo tạc trên nền trời xanh bồng bềnh mây trắng. Quả là một bức tranh phong cảnh núi đồi hoành tráng, đẹp đến mê hồn mà chỉ ở nơi đây mới có được do thiên nhiên và con người tạo dựng.

Vào buổi sáng, sương mù bay phủ nhiều, khu chùa lúc ẩn lúc hiện trông rất huyền bí. Du khách đến nơi tâm linh lớn nhất Việt Nam là vậy.

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

Vua Đinh Tiên Hoàng lên ngôi năm 968 đã xây dựng Kinh đô Hoa Lư ở xã Trường Yên, huyện Hoa Lư ngày nay. Năm 980 Vua Lê Đại Hành cũng lên ngôi ở Kinh đô Hoa Lư, lập nên một triều đại mới: triều Tiền Lê.

Sau khi Vua Lê Long Đĩnh (ông vua cuối cùng nhà Tiền Lê) mất, đầu tháng 11 năm 1009, quan Thân vệ là Lý Công Uẩn đã được các nhà tu hành và bá quan văn võ trong triều Tiền Lê tôn lập làm vua. Nhà Lý chính thức hình thành từ đó, cũng ở Kinh đô Hoa Lư. Như thế ba triều vua đã ra đời ở Kinh đô Hoa Lư: nhà Đinh, nhà Tiền Lê và nhà Lý.

Ba triều đại phong kiến tập quyền đầu tiên này rất quan tâm đến đạo Phật và cho xây dựng rất nhiều chùa. Thời ấy, Kinh đô Hoa Lư trở thành trung tâm của Phật giáo nước ta.

Để khẳng định ở Kinh đô Hoa Lư xưa đạo Phật được tôn làm quốc giáo, thì việc xây dựng một ngôi

chùa lớn nhất Việt Nam gần Cố đô Hoa Lư ngày nay là điều rất cần thiết.

Vì vậy, khu chùa Bái Đính mới được tọa lạc ở xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, chỉ cách Cố đô Hoa Lư không xa là đúng đắn, thể hiện một sự tiếp nối, bổ sung hoàn chỉnh cho Cố đô Hoa Lư ngày nay.

Kinh đô Hoa Lư xưa đã có chùa Nhất Trụ tọa lạc ở thôn Yên Thành, xã Trường Yên được xây dựng từ thời Tiền Lê, vào năm Ứng Thiên thứ hai triều Vua Lê Đại Hành (995). Khi nhà Lý xây dựng Kinh đô ở Thăng Long, không quên những ngôi chùa ở Kinh đô Hoa Lư, nên đã xây dựng một ngôi chùa nằm giữa hồ Linh Chiểu, lấy tên là Một Cột. Tên gọi “*Nhất Trụ*” vẫn còn lưu lại trên đất Thăng Long.

Hiện nay, một số chùa xây dựng từ thời nhà Đinh, nhà Tiền Lê vẫn còn ở Cố đô Hoa Lư, tuy còn nhỏ. Bây giờ sẽ có một khu chùa lớn ở gần Cố đô Hoa Lư là khẳng định sự tiếp nối, mang thêm giá trị, tầm cỡ cho Cố đô Hoa Lư, cũng là thể hiện đạo lý “*Uống nước nhớ nguồn*” và lòng thành kính Phật.

Khu chùa Bái Đính mới được xây dựng trên đồi núi cao tại xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, gần núi chùa Bái Đính cũ, vị trí đó là một địa điểm tuyệt vời. Vì xây dựng chùa mới, thường nằm trên nền đất chùa

cũ, hoặc gần chùa cũ, đất đó là đất thiêng, tụ linh, tụ đức, có thể rất đẹp. Ngày xưa thiền sư Nguyễn Minh Không đã có công chọn để lập chùa, thì ngày nay chúng ta xây dựng chùa mới ở nơi đó cũng là điều dễ hiểu.

Thôn Sinh Dược (xóm 3) xã Gia Sinh lại có nhiều đồi núi cao. Xây Khu chùa Bái Đính mới trên các ngọn đồi ở đây là điều rất hợp với truyền thống tạo dựng chùa của dân tộc. Các chùa nổi tiếng nhất của nước ta đều đã xây dựng trên đồi, núi cao hoặc dựa vào núi. Đó là chùa Yên Tử (xã Thượng Yên Công, thị xã Uông Bí, Quảng Ninh), trong đó có chùa Đồng ở trên đỉnh núi cao nhất so với mặt nước biển 1068m; chùa Quỳnh Lâm (Đông-Triều, Quảng Ninh) nằm trên đồi trong dãy núi vòng cung Đông Triều; Chùa Hương (huyện Mỹ Đức); chùa Thầy (xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai) xây bên sườn núi Phật Tích; chùa Tây Phương (xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất) nằm trên ngọn núi Câu Lậu,...

Hơn nữa, chùa phải ở xa nhà dân, không ồn ào, phải có một quang cảnh tĩnh mịch, hiền hòa. Khu núi đồi Bái Đính ở đây là một cảnh quan đặc biệt như thế.

Khu núi đồi Bái Đính có nhiều cây cổ thụ, luôn

bao phủ một màu xanh tươi, nhiều chim chóc đến làm tổ, là nơi *“đất lành chim đậu”*, tạo ra sự hoà nhập giữa con người với thiên nhiên.

Một điều đáng chú ý nữa là, khu chùa Bái Đính mới xây tháp chuông ở trên đồi cao, khi đánh âm sẽ vang xa để nghe rõ được tiếng chuông chùa ngân nga, trầm bổng như nhắc nhở con người luôn nhớ đến lời Phật dạy: tránh điều ác, làm được nhiều điều thiện.

Khu chùa Bái Đính mới cách Cố đô Hoa Lư và Khu hang động Tràng An không xa, rất thuận tiện cho du khách văn cảnh chùa.

Tất cả những điều nêu trên cho thấy rằng xây dựng khu chùa Bái Đính mới gần chùa núi Bái Đính cũ là hợp với lòng trời, hợp với lòng dân, hợp với tâm linh, hợp với đạo Phật, hội đủ ba yếu tố: thiên thời, địa lợi và nhân hòa.

DIỆN TÍCH XÂY DỰNG LỚN NHẤT VIỆT NAM

Khu chùa Bái Đính mới có diện tích rất lớn, chiếm 700ha. Chỉ có thể xây dựng được nó ở khu đồi núi xã Gia Sinh mới có được không gian rộng lớn như thế, không ảnh hưởng đến đất canh tác của người dân, vì đây là vùng đồi núi không thể trồng cây được.

QUY MÔ XÂY DỰNG

Khu chùa Bái Đính mới là khu chùa lớn nhất Việt Nam, đang được xây dựng, dự kiến đến năm 2010 sẽ hoàn thành cơ bản để kỷ niệm 1000 năm Vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long (1010 – 2010).

Khu chùa Bái Đính mới có tổng diện tích là 700 ha. Trong giai đoạn I, khu chùa mới sử dụng 50ha.

Chùa Bái Đính quay hướng bắc, ghé đông, dựng trên dãy đồi cao gần chùa Bái Đính cổ (chùa trên núi Bái Đính). Cách chân đồi không xa là sông Hoàng Long uốn lượn như con rồng vàng nổi lên đón Đỉnh Bộ Lĩnh thuở hàn vi, mang một vẻ đẹp huyền hoặc. Bên kia sông Hoàng Long là Đàm Xá (xã Gia Thắng và xã Gia Tiến) quê hương của Quốc sư Nguyễn Minh Không. Chùa dựa lưng vào núi đồi, có thế “*tiền thủy hậu sơn*”. Đây là đất thiêng, đất cao, không bao giờ bị ngập lụt, trong sạch, phong quang, thoáng đãng, cách xa khu nhà dân ở, là đất tụ linh, tụ đức, thu hút

được sinh lực từ trên cao xuống dưới thấp và tạo ra âm dương hoà hợp.

Nếu tính độ cao ở chỗ thấp nhất của khu chùa là Tam quan Nội, thì mặt đất đã cao so với mặt nước biển là 9,25m.

Hiện nay, khu chùa đã, đang và sẽ hoàn thành những công trình chính như sau:

I - TAM QUAN NỘI LỚN NHẤT VIỆT NAM

Tam quan Nội xây dựng toàn bằng gỗ tứ thiết, kiến trúc theo kiểu lộng tàn, chống giồng, tiền bẩy, hậu bẩy, xà nách, cao tới đỉnh 16,5m, có chiều dài 32m, rộng 13,5m. Điều độc đáo là có 4 cột cái bằng gỗ tứ thiết, mỗi cột cao 13,85m, đường kính 0,87m, nặng khoảng 10 tấn. Chọn được những cây gỗ cao to như thế để làm cột và đưa về đây đã là một kỳ công (cột cái ở Nhà thờ lớn Phát Diệm chỉ cao có 11m). Cột trung ở Tam quan có bốn cột, mỗi cột cao 11m, đường kính 0,75m, cột con ở bốn mặt, gồm 16 cột, mỗi cột cao 5m, đường kính 0,65m. Tất cả 24 cột đều được đặt trên tảng đá hoa sen hình vuông, cao 0,2m. Tảng đá ở cột cái, mỗi cạnh dài 1,4m; tảng đá ở cột trung, mỗi cạnh dài 1,2m; tảng đá ở cột con, mỗi cạnh dài 0,9m.

Tam quan có 3 tầng mái uốn cong ở bốn phía, tổng cộng là 12 mái, lợp bằng ngói men ống Bát Tràng màu nâu sẫm. Các góc của mái đều có đầu đao xây cong lên như hình đuôi chim phượng. Trên nóc của mái tầng 3 là hai đầu kìm châu mặt nguyệt. Riêng tầng ba của Tam quan, gian giữa phía trước và phía sau đục thông phong một phù điêu lớn, hình ở giữa

là bánh xe chuyển pháp luân, xung quanh là hoa văn mây. Tam quan là ba cửa: cửa Hữu, cửa Vô ở hai bên và cửa Đại ở giữa. Ba cửa đều lắp cánh cửa ở phía ngoài, gian giữa rộng 7,2m, có 4 cánh cửa, mỗi cánh cửa cao 3,8m, rộng 1,47m. Hai gian bên, mỗi gian rộng 6,3m, cũng có 4 cánh cửa, mỗi cánh cửa cao 3,8m, rộng 1,26m. Các cánh cửa đều làm bằng gỗ lim theo kiểu thượng song hỷ kép thông phong, hạ bản. Tam quan Nội đã sử dụng đến 550 khối gỗ tròn.

Tam quan là tuyên ngôn cho ba lối nhìn của đạo Phật: không quan, giả quan, trung quan. Không quan là nhìn vào sự vật, thật ra cái gì cũng là không. Nhưng không có nghĩa là lối nhìn phủ định, mà là nhìn thấy một quy luật của vũ trụ tự nhiên, muôn loài cùng một gốc, để từ đó răn mình đi vào đạo Phật. Giả quan là nhìn vào sự vật, được xem là giả tạm, sự vật không có thật, luôn biến đổi không tồn tại vĩnh cửu với thời gian, có đấy rồi lại không đấy, chẳng qua chỉ là kiếp phù du trôi nổi trên những cánh bèo. Trung quan là không phải là không mà cũng không phải là có. Đó là giữa, vừa có vừa không, là lối nhìn thấu suốt chân lý của Phật pháp, là con đường chân chính đi tới giải thoát mọi nỗi khổ đau của cuộc đời.

Ngoài ba cửa chính, hai phía đông và tây còn có hai gian hồi là hai gian phụ. Như thế Tam quan có 5 gian.

Ở hai gian phụ đặt hai tượng Hộ Pháp bằng đồng, mỗi tượng cao 5,5m, nặng 12 tấn. Tượng Hộ Pháp ở cửa bên phải là Khuyến thiện (khuyến khích con người làm việc thiện), có bộ mặt hiền lành, miệng mỉm cười. Tượng Hộ Pháp ở cửa bên trái là Trừng ác, mắt nhìn thẳng, to tạo sự kiên quyết, cứng rắn, phần nộ trước tội ác, mặc áo giáp, tay cầm binh khí, dáng hình rất dữ tợn. Hai tượng Hộ Pháp này còn gọi là Ông Thiện, Ông Ác. Ngoài ra trong Tam quan còn đặt 8 pho tượng Kim Cương (bát bộ Kim Cương), cũng bằng đồng, mỗi tượng nặng 8 tấn. Tám vị này có tấm lòng trong sáng bảo vệ Phật pháp.

Từ hông hai bên Tam quan đi về hai phía tây và đông là hệ thống nhà gỗ cổ, mỗi bên 16 gian, mỗi gian dài 4,5m. Chiều dài của 16 gian nhà gỗ là gần 70m, nối liền với hành lang La Hán ở hai phía. Trong 16 gian mỗi bên có 3 gian cổng nhô lên, cột ở gian cổng cao 7m. Phía ngoài các gian cổng đều lắp cánh cửa bằng gỗ lim. Đây là một Tam quan lớn, đồ sộ, đều dựng bằng gỗ tứ thiết, chưa từng thấy ở đâu trên đất nước ta.

II – VƯỜN CÂY THẨM CỎ

Qua Tam quan Nội là bước vào vườn cây thẩm cỏ, chiều ngang 119m, chiều dài 140m với diện tích 16.660m². Khoảng trống được tạo ra này đã thể hiện một đặc tính của nghệ thuật kiến trúc Việt Nam gắn với môi trường xung quanh là trời và đất, khai triển kiến trúc chiều ngang và điều hoà các đường nét đối xứng.

III – THÁP CHUÔNG CÓ CHUÔNG ĐỒNG LỚN NHẤT VIỆT NAM

Điều độc đáo của khu chùa Bái Đính là các công trình kiến trúc được toạ lạc ở các độ cao tăng dần lên. Vì vậy, theo “*nhất chính đạo*” (không có con đường khác, bất nhị pháp môn) dẫn vào Thế giới Phật, từ đó bước lên các bậc đá cao mới đến tháp chuông.

Tháp chuông được xây dựng bằng bê tông cốt thép giả gỗ, kiến trúc theo kiểu tháp chuông cổ, xà chông cổ ngỗng, có đắp họa tiết hoa văn ôm lấy các hàm xà. Tháp chuông có 3 tầng với 3 tầng mái cong hẹp dần, lợp bằng ngói men ống Bát Tràng màu nâu sẫm. Kiến trúc của tháp chuông hình bát giác, theo kiểu chông diêm, cho nên có tất cả 24 mái cong với 24 mái đao cong vút lên. Mái đao theo kiểu hoa lá dây, biểu tượng cho sự sinh sôi nảy nở, trường tồn. Mỗi mái đao cao 1,65m. Dưới mái đao có đắp các con bài họa tiết cao 2,3m để đỡ chân đao. Trên cùng của tháp chuông là chóp tháp hình búp sen cao 3,5m. Nếu tính đến đỉnh chóp, tháp chuông cao gần 22m

(tầng 1 cao 6,9m, tầng 2 cao 8,61m, tầng 3 cao 2,75m). Đường kính trong tháp là 17m, tính phủ bì đến chân đế đường kính là 49m. Trong tháp chuông mỗi tầng có 16 cột, gồm 8 cột cái và 8 cột con. Ở tầng một, cột cái cao 16m, đường kính 0,8m; cột trung cao 8m, đường kính 0,7m.

Trong tháp chuông có cầu thang đi lên sàn ở tám phía, độ cao 6,9m để du khách đi xung quanh ngắm nhìn chuông. Tháp chuông treo một quả chuông đồng nặng 36 tấn. Hiện nay, ở chùa Bái Đính còn có một chuông đồng nữa nặng 27 tấn. Chuông đồng được đúc tại Huế. Chày kinh đánh chuông bằng gỗ tứ thiết dài 4,2m, đường kính 0,3m, nặng 500kg. Đây cũng là một tháp chuông có quả chuông lớn, hiện nay “*độc nhất vô nhị*” ở Việt Nam. Chuông đúc được pha vàng nên tiếng ngân vang rất xa.

Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đã cấp bằng “*Xác nhận kỷ lục*”: “*Đại hội đồng chuông lớn nhất Việt Nam*” (phá kỷ lục Việt Nam), ngày 12 tháng 12 năm 2007.

IV- VƯỜN HOA THẨM CỎ

Đi qua tháp chuông là đến vườn hoa thẩm cỏ, chiều ngang 92m, chiều dài 82,5m, với diện tích 7.590m². Đây lại là một khoảng trống nữa trong không gian. Du khách sẽ có dịp chiêm ngưỡng những cây hoa, cây cảnh quý hiếm hoà mình với thiên nhiên cây xanh. Tất cả bao phủ một màu xanh mượt mát, có nhiều chim bướm. Nó tạo được sự yên tĩnh và nâng cao tình cảm yêu thiên nhiên, yêu kính nơi của Phật. Đến đây ta như lạc vào một vườn cây, vườn thuốc, vườn hoa, mang vẻ đẹp thanh u:

“Ở đây mây núi cây rừng

Nước non thanh sạch cách chùng phồn hoa”

Đó chính là chốn tịch viên (vườn tĩnh mịch), là nơi con người đến gần với cõi tâm linh, thánh thiện, cầu mong trừ được điều ác, làm được nhiều điều thiện để sống thư thái, an lành.

V. ĐIỆN QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT CÓ PHO TƯỢNG QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT BẰNG ĐỒNG LỚN NHẤT VIỆT NAM

Qua vườn hoa thăm cỏ, du khách bước lên cao theo các bậc đá là đến điện Quan Thế Âm Bồ Tát.

Quan Thế Âm Bồ Tát là gọi chung cho sáu kiểu tượng Quan Thế Âm, gồm:

- Tượng Chuẩn Đề Quan Âm, có 3 mắt và 18 tay.
- Tượng Phật Bà Quan Âm ngồi trên toà sen, tức là Nam Hải Quan Âm.
- Tượng Quan Âm toạ sơn, ngồi trên mỏm đá.
- Tượng Quan Âm vô úy: Phật Bà ngồi trên toà sen, đặt trên đầu một giống yêu quái đóng vai lái đồ thể hiện trừ ác cho dân.
- Tượng Phật Bà Thị Kính, cũng gọi là Quan Âm Tống Tử (dạng toạ sơn bế đứa bé và có con vệt, tượng trưng cho chúng sinh được cứu vớt).
- Tượng Thiên thủ thiên nhãn Quan Thế Âm, tức là Đức Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay.

Ở điện Quan Thế Âm Bồ Tát tại chùa Bái Đính chỉ đặt một tượng Thiên thủ thiên nhãn Quan Âm.

Điện độc đáo ở đây là điện được xây dựng toàn bằng gỗ tứ thiết, 100% kiến trúc bằng gỗ. Điện cao 14,8m, dài 40,4m, rộng 16,8m, gồm 7 gian (5 gian chính, gian giữa rộng 6,6m, 4 gian hai bên, mỗi gian rộng 6m và 2 gian chái, mỗi gian rộng 4,2m).

Điện cũng kiến trúc theo kiểu lộng tàn, chông giường, tiền bẩy, hậu bẩy, xà nách, cột chốn, góc kẻ chuyên, có hai tầng mái uốn cong ở bốn phía, tổng số là 8 mái và một hàng cổ lâu để nâng độ cao, lấy ánh sáng, thông khí. Điện cũng lợp bằng ngói men ống Bát Tràng. Trong điện có 32 cột, gồm 2 hàng cột cái, mỗi hàng 6 cột và 4 phía có 20 cột xung quanh. Cột cái trong điện đều làm bằng gỗ tứ thiết, mỗi cột cái cao 11,8m, đường kính 0,7m; cột con cao 4,8m, đường kính 0,56m. Tất cả 32 cột đều được đặt trên các tảng đá hoa sen hình vuông, mỗi cạnh của tảng đá kê cột cái là 1,3m, mỗi cạnh của tảng đá kê cột con là 1m. Vì, kèo, xà ngang, xà dọc cũng làm bằng gỗ tứ thiết. Để dựng tầng mái thứ hai của điện lại có thêm 20 cột con nữa, đường kính 0,6m (gọi là cột chốn). 20 cột chốn này được ngói trên các xà nách to. Năm gian giữa phía trước đều lắp cánh cửa bằng gỗ lim, mỗi gian gồm 6 cánh cửa, mỗi cánh cửa cao

2,5m, rộng 0,94m; hai gian phụ ở hai hồi cánh cửa cao 2,5m, rộng 0,84m. Phía sau ở hai gian cạnh cũng lắp cánh cửa, mỗi cánh cao 2,5m, rộng 0,84m. Các cánh cửa cũng giống như các cánh cửa ở Tam quan Nội, theo kiểu thượng thông phong song hỷ kép, hạ bản. Gỗ dùng để dựng điện Quan Thế Âm Bồ Tát hết khoảng 900 khối gỗ tròn.

Ở những chỗ lồi lõm của vì kèo, trụ, bẩy, cánh cửa, ... được chạm bong kênh, chạm lõng tạo thành những tác phẩm nghệ thuật trên gỗ tuyệt đẹp. Mỗi bức chạm như được thổi một luồng sinh khí đem đến vẻ sống động, lạ lùng. Ba gian giữa trong điện đều có 3 bức hoành phi và 3 cửa võng treo trên cao. Gian chính giữa của điện còn đặt một sập thờ bằng gỗ, dài 4,79m, rộng 2,35m, cao 1,27m theo kiểu chân quỳ dĩa cá, chạm kênh bong, thông phong nhiều lớp, hình chạm là tứ linh, tứ quý, hoa lá, ... Các đồ thờ đều bằng đồng. Đôi hạc cao to cũng bằng đồng. Có lẽ, chưa có một chùa nào ở nước ta có đồ thờ đều bằng đồng cao to và đẹp như ở đây.

Tường của điện, phía ngoài xây gạch không trát, phía trong xây các ô nhỏ, mỗi ô cao 0,59m, rộng 0,3m, sâu 0,3m, bên trong đặt các tượng Quan Thế Âm nhỏ, đúc bằng đồng.

Gian giữa cửa điện, trên bệ cao, đặt tượng Quan Thế Âm Bồ Tát có nghìn mắt, nghìn tay, gọi là Quan Âm Thiên Thủ, Thiên Nhãn, đúc bằng đồng dát vàng, cao 9,57m, nặng khoảng 80 tấn (cả bệ). Đây cũng là một pho tượng Quan Thế Âm Bồ Tát bằng đồng lớn nhất ở Việt Nam.

Quan Thế Âm nghĩa là lắng nghe tiếng kêu của cuộc đời, hay cứu khổ, cứu nạn cho mọi người. Quan Thế Âm đã trở thành một biểu trưng cho lòng từ bi của Phật giáo (thể hiện lòng Bi là một trong hai đức của Phật). Văn Thù biểu hiện cho trí tuệ, Quan Thế Âm biểu hiện cho đức từ bi.

Mặt tượng to, sau hai tai có hai mặt nhỏ nhìn ra hai bên; đầu đội mũ nhà Phật, trên mũ xếp chồng lên nhau, ba tầng có 8 mặt tượng nhỏ, đỉnh cao là một tượng Phật Tổ nhỏ ngồi trên toà sen cao nhất, như thế đầu tượng có 11 mặt quay nhìn ba phía và một tượng Phật tổ nhỏ cao nhất. Hai bên trái, phải và phía trước tượng có 42 cánh tay lớn (mỗi bên có 18 cánh tay, phía trước tượng có hai cánh tay bàn chắp trước ngực, hai tay để ở lòng bụng, hai tay để lên đùi). Tất cả các cánh tay hai bên đều đối xứng nhau. Các bàn

tay đều có thể bắt quyết khác nhau, không bàn tay nào giống nhau và các cánh tay động tác đều khác nhau. Phía sau tượng là một hình lá đề rộng lớn đúc bằng đồng. Hình ngọn lá trên cao lại có hai mặt tượng nữa. Hình tròn của lá đề có đường kính 5,5m, gồm 16 vòng tròn to nhỏ, hai vòng tròn rộng ngoài cùng trang trí hoa văn. Trong hình tròn đó nhô ra 958 cánh tay nhỏ nữa, mỗi cánh tay dài 0,6m, tạo thành các lớp hào quang tròn sau đầu, giữa lòng bàn tay chạm hình con mắt. Cộng cả cánh tay to và nhỏ đủ một nghìn cánh tay và gần một nghìn mắt. Tượng giống tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay ở chùa Bút Tháp (chùa Bút Tháp ở làng Bút Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành (Bắc Ninh)). Chùa có từ đầu đời Trần). Tượng ở chùa Bút Tháp cao trên 3,7m được tạo dựng năm 1656, cũng có 11 bộ mặt, 42 tay lớn, 958 tay nhỏ và 1000 mắt.

Tượng Quan Thế Âm bằng đồng cao 5,4m, ngồi trên toà sen đồng cao 0,9m, toà sen do đầu rồng bằng đồng cao 1,2m đội, đầu rồng lại đặt trên bệ bằng đồng cao 2,07m. Độ cao tính từ bệ đến đỉnh tượng cao 9,57m. Tượng có chiều ngang và chiều rộng đều dài khoảng 3,6m.

Nếu tính cả lá đề đồng sau tượng thì tượng Quan Thế Âm Bồ Tát bằng đồng nặng khoảng 100 tấn.

Ông Vũ Duy Thuần cùng các nghệ nhân đúc đồng ở thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đúc pho tượng này.

VI – HỒ PHÓNG SINH

Lễ ở điện Quan Thế Âm xong, du khách đến chiêm ngưỡng hồ Phóng sinh. Hồ gần vuông với chiều ngang 63m, chiều dài 77m, có diện tích gần 5.000m². Độ sâu của nước là 4m. Bờ hồ rộng theo 4 bên, mỗi bên 7m.

Trong hồ Phóng sinh được trồng sen ở các thùng làm bằng i nóc có thể đưa lên hoặc đưa xuống dễ dàng. Hoa sen là biểu tượng cho Phật. Phật ngự trên toà sen và Phật niệm hoa sen. Hoa sen là biểu tượng cho cõi Niết Bàn. Đạo Phật rất chú trọng về nhân quả: nhân không lìa quả, quả không lìa nhân. Hoa sen lại có cả nhân và quả. Thái tử Tất Đạt Đa sau 49 ngày đêm ngồi thiền dưới cây bồ đề trở thành Phật. Ngài nhìn ra hồ sen thấy hoa đang nở. Nó mọc ở chỗ nhộp nhơ, bùn lầy mà vẫn vươn lên, thơm ngát, tươi đẹp, tinh khiết, cao cả. Ngài nghĩ ngay đến con người, sinh ra và trưởng thành, đều bị tác động của thiên nhiên và những thói hư tật xấu, nếu một phen tỉnh giác sẽ vượt ra an toàn siêu thoát, tiến lên bậc giác ngộ. Thế là Ngài lấy hoa sen để biểu trưng cuộc sống

và giáo lý của Ngài. Ngài dạy: “*Như bông hoa sen đẹp và dễ thương không cấu nhiễm bùn nhơ, nước đục, giữa chốn bụi trần, ta không vương chút bợn nhơ. Như vậy ta là Phật*”.

Cho nên Kinh pháp cú nói:

Như giữa đồng rác nhớp

Quăng bỏ nơi bờ đầm

Chỗ ấy hoa sen nở

Thơm sạch đẹp ý người

Sách Phật cũng có câu nói: “*Đất Tĩnh thổ của Phật Di Đà là lấy hoa sen làm chỗ ở, cho nên gọi Tĩnh thổ là sen*”.

Vì vậy, trong hồ Phóng sinh trồng sen mang ý nghĩa trên.

Ngoài ra, hồ còn có hệ thống đài phun nước và hệ thống chiếu sáng ở thành và đáy hồ.

Xây hồ phóng sinh để tạo ra âm dương điều hoà. Chùa trên cao biểu hiện cho dương, nước ở dưới thấp là âm. Nước chứa được ánh sáng, ở trên trời dội xuống là đã có dương. Âm dương tương phản là thế. Hơn nữa hồ Phóng sinh nơi đây đã tạo nên cảnh chùa nơi sơn thủy hữu tình, “*tiên thủy hậu sơn*” tuyệt đẹp.

VII – SÂN LÁT ĐÁ

Qua hồ Phóng sinh là đến sân lát đá, chiều ngang 110m, chiều dài 53,2m, với diện tích 5.850m². Phía tây và phía đông của sân đi hết hành lang La Hán là hai dãy nhà Tả vu và Hữu vu, mỗi dãy 7 gian (5 gian chính và hai gian chái), xây dựng bằng bê tông cốt thép giả gỗ, cao 22m, có diện tích 1.344m². Đây là nơi để các Phật tử và khách thập phương sửa lễ.

VIII - ĐIỆN THỜ PHẬT TỔ CÓ PHO TƯỢNG THÍCH CA MÂU NI BẰNG ĐỒNG LỚN NHẤT VIỆT NAM.

Đi hết sân lát đá, bước lên cao nhiều bậc đá là đến điện thờ Phật Tổ xây dựng toàn bằng bê tông cốt thép giả gỗ rất đồ sộ, hoành tráng, cao đến nóc gần 30m, dài 44,7m, rộng 43,3m, có diện tích 1.945m², gồm 2 tầng mái cong, có 8 mái ở bốn phía và một hàng cổ lâu để nâng độ cao, lấy ánh sáng và thông khí, bờ đao cao tới 1,3m, mái đao cao 2,6m, riêng mặt nguyệt ở đỉnh mái cao đến 4,4m, đầu kim cao 3,3m. Điện có 5 gian, gian giữa rất rộng, dài đến 13,5m, 4 gian hai bên, mỗi gian dài 8,13m. Trong điện có 56 cột bê tông cốt thép, gồm hai hàng cột cái ở giữa, mỗi hàng 4 cột; hai hàng cột trung, mỗi hàng 4 cột; cột con ở bốn phía gồm 20 cột, cột hiên ở bốn phía gồm 20 cột. Các cột bê tông giả gỗ trong điện rất cao to. Cột cái cao 22,6m, đường kính 1m, cột trung cao 17,2m, đường kính 0,8m, cột con cao 9m, đường kính 0,7m, cột hiên cao 7,4m, đường kính 0,7m. Các cột bê tông cốt thép ở trong điện đều được ốp gỗ. Gian giữa và hai gian hai bên đều có hộc cửa,

lắp cánh cửa bằng gỗ lim. Chỉ có học cửa và cánh cửa ở điện mới dùng đến gỗ, còn lại toàn bộ điện đều làm bằng bê tông cốt thép giả gỗ. Kỹ thuật sơn phủ ngoài rất tinh xảo, khiến nhìn xa đều lầm tưởng là gỗ. Gian cửa giữa có 12 cánh cửa, mỗi cánh cao 3,7m, rộng 1,05m; hai gian bên có 8 cánh cửa, mỗi cánh cao 3,7m, rộng 0,84m, đều làm theo kiểu triện tàu cài lá. Tường sau, hai hồi và phía trước hai gian hồi, phía ngoài tường xây gạch không trát, phía trong xây các ô nhỏ cao 0,59 m, rộng 0,3m, sâu 0,3m, tất cả có 1.284 ô nhỏ, bên trong đặt 1.284 pho tượng Thích Ca Mâu Ni nhỏ bằng đồng. Điều đặc biệt ở điện thờ Phật Tổ là ở gian giữa, trên bệ cao 1,5m ốp đá thớt chạm hoa văn trông rất bề thế, đặt một pho tượng lớn bằng đồng nguyên khối dát vàng, cao 10m, nặng 100 tấn. Đó là pho tượng Thích Ca Mâu Ni ngồi trên toà sen và niệm hoa sen. Mặt Ngài mang dáng vẻ hiền từ, miệng thoáng nụ cười cứu độ, tai to dài (sự cao quý), mũi thẳng đều đặn (tướng chính nhân quân tử), tóc xoắn ốc bươu nổi trên đầu (đề cao trí tuệ và nội tâm), mặc áo cà sa, cũng gọi là cà sa (“ca” là nhiều, “sa” là cát, có nghĩa là áo khoác từ nhiều mụn vải quynh góp mà thành), biểu tượng ạo cho tâm thanh lòng tĩnh để trí tuệ phát sinh nhằm diệt trừ: tham, sân, si, ái, ô, hỷ, nộ. Đặc biệt là mắt

bao giờ cũng nhìn xuống soi rọi nội tâm. Mọi biểu hiện về trí tuệ, lòng từ bi quảng đại, sức mạnh Phật pháp đã thể hiện qua hình hài của tượng. Giữa ngực Ngài có chữ “vạn”, biểu thị công đức, lòng từ bi và trí tuệ vô lượng của Phật (là phù hiệu, không phải là chữ viết). Tay phải cầm búp sen giơ cao gần ngang đầu, ngón cái và ngón giữa bàn tay đỡ cuống sen, tay trái đặt ngửa lòng bàn tay trên chân phải ngang trước bụng. Chân khoanh chỉ lộ một bàn chân phải để chống tà ma. Tư thế này gọi là tượng Hoa Niên. Toà sen là 3 lớp cánh sen. Hai lớp trên chồng lên nhau: lớp trên cánh sen nhỏ, lớp dưới so le nổi rõ cánh sen to. Lớp thứ 3, gần như đối xứng với cánh sen to ở trên là một làn cánh sen rủ xuống, hình dung như lòng từ bi của Phật đang che chở cho muôn loài đã biết quy y hồi cải. Phía sau tượng là một phù điêu rộng lớn hình lá đề được làm bằng đồng (thúc đồng) gồm nhiều mảnh ghép lại, có gần hàng trăm pho tượng Phật nhỏ đúc bằng đồng theo kích cỡ khác nhau. Nhìn pho tượng đồng lớn, đồ sộ, du khách sẽ sửng sốt, bàng hoàng, thán phục trước tài nghệ của các nghệ nhân đúc đồng đã làm nên tuyệt tác vĩ đại này. Chỉ riêng công việc vận chuyển pho tượng đồng nặng 100 tấn lên đồi núi cao và đặt trong điện đã là một kỳ công. Pho tượng này đã được Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam cấp

bằng “Xác nhận kỷ lục”: “**Pho tượng Phật Thích Ca bằng đồng cao và nặng nhất Việt Nam**”, ngày 04 tháng 5 năm 2006.

Pho tượng này do các nghệ nhân đúc đồng đúc tại thôn Thượng Đông, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Đúc tượng Thích Ca Mâu Ni, trước tiên phải có mẫu. Mẫu tượng làm bằng thạch cao với sơ đay dựng bằng khung tre. Có mẫu tượng rồi phải làm khuôn. Công việc khó khăn, vất vả và lâu nhất là làm khuôn người mới đúc được đồng đỏ. Khâu đầu tiên của việc làm khuôn là dùng đất sét đen (ở huyện Ý Yên lấy đất sét tại cánh đồng Cầu Hố thuộc làng Tống Xá, xã Yên Xá) cho vào máy xay nghiền nhỏ với trấu và giấy bồi để cho đất chịu nhiệt và dễ thoát hơi. Dùng đất đó cùng với khung sắt theo từng ô đắp phủ lên mẫu thạch cao theo tỷ lệ 1/1, tức là làm khuôn ngoài, gọi là bìa, khuôn trong nhỏ hơn mẫu tượng cũng làm bằng đất sét, gọi là ruột khuôn (còn gọi là cốt khuôn, khố khuôn hay lõi khuôn). Ruột khuôn có thêm tai gối có xương ở giữa, có nhiệm vụ giữ cho ruột nằm trong khuôn đúng vị trí, có tác dụng như cốt thép trong bê tông. Làm ruột khuôn rất khó, cũng dựng bằng khung sắt nhưng phải nhỏ hơn mẫu để tạo ra khoảng cách giữa bìa và ruột khuôn từ 3 đến 5cm

(nếu tượng nhỏ thì khoảng cách sẽ nhỏ hơn). Mặt tiếp xúc của khuôn với vật đúc phải hoàn toàn nhẵn. Công đoạn lắp ghép hai khuôn có khoảng trống ở giữa để đổ đồng vào là vô cùng quan trọng, phải chính xác theo đúng độ dày của mẫu tượng ở tất cả các bộ phận. Nếu lệch một chút là đồng sẽ có chỗ dày, chỗ mỏng. Làm khuôn tượng phải mất 5 tháng mới xong. Khuôn tượng có thể để trên mặt đất hoặc lật ngược đặt sâu xuống lòng đất tùy theo địa hình của xưởng đúc. Khi đã hoàn chỉnh khuôn tượng mới đến khâu nấu đồng, rót đồng đổ vào khuôn. Nhiệt độ nấu chảy đồng là 1083°C . Dĩ nhiên khi nấu đồng đều có cho một số vàng vào. Thời gian của công đoạn này rất ngắn, chỉ hết khoảng trên 1 giờ đồng hồ. Sau cùng, khi đồng đã nguội, tiến hành hoàn thiện kỹ thuật, cũng phải mất từ 5 đến 6 tháng. Đây là cung đoạn ra công cơ khí trên các máy: cắt, tiện, phay, dũa, bào, doa, mài để làm nhẵn các bề mặt của dáng hình tượng.

Đúc pho tượng này, chỉ tính riêng nguyên liệu phụ gia, đã phải dùng đến 60m^3 đất sét, 70 tấn thép các loại để làm khuôn; 35 tấn than đá Quảng Ninh, 120 tấn củi để nung chảy đồng. Trong thời gian ghép mẫu, làm khuôn và khi đúc tượng rót đồng vào khuôn phải sử dụng 90 ca cầu loại 25 tấn và 100 tấn. Khi

tượng đúc xong vận chuyển tượng đến chùa Bái Đính còn phải sử dụng 25 ca cầu loại 25 tấn và loại 100 tấn nữa.

Ngày đưa tượng Phật Tổ về chùa Bái Đính là ngày 24 tháng 3 năm Bính Tuất, tức là ngày 21 tháng 4 năm 2006.

Khi vận chuyển tượng phải dùng đến loại xe đặc chủng. Đường từ xưởng đúc ở thôn Yên Đồng ra đường cái lại hẹp, nên phải kè thêm đá ở bên ngòi và chặt cây cho thoáng rộng. Đoạn đường đó chỉ dài hơn 2km, nhưng phải đi mất 4 giờ. Bắt đầu chuyển tượng từ 3 giờ sáng, mãi đến 14 giờ mới tới chùa Bái Đính. Như thế đoạn đường chuyển tượng chỉ dài có hơn 30km nhưng phải đi mất 9 giờ.

Thích Ca Mâu Ni tên là Tất Đạt Đa, sinh năm 563 TCN, là Hoàng tử con Vua Suddhodana ở bắc Ấn Độ. Khi mới ra đời, Hoàng tử đã đứng thẳng dậy. Lớn lên, Ngài rất thông minh, khoẻ mạnh, học gì biết nấy, có tài bắn cung nỏ, đặc biệt là có lòng nhân từ, muốn xuất gia tu hành.

Năm 20 tuổi Ngài trở thành Thái tử, phải lấy vợ, sau đó có con trai. Năm 29 tuổi Ngài dời bỏ triều đình, vợ đẹp, con khôn, cắt tóc đi tu. Qua nhiều chặng đường khổ hạnh trong 6 năm, nhịn ăn, nhịn mặc,

sống trong rừng, ngồi suốt đêm ở các bờ sông, gốc cây, rồi lại uống sữa cho khoan khoái, Ngài tìm đến chỗ có cây bồ đề, lấy lá làm đệm, ngồi 49 ngày, mặt hướng về phía đông và đến một buổi sáng năm 35 tuổi, Ngài đã thành Phật (người đã giác ngộ - người đã hiểu được chân lý).

Sau khi thành Phật, các đệ tử tôn xưng Ngài là Thích Ca Mâu Ni (vị hiền triết - nhà thông thái). Từ đó Ngài đi khắp nơi để truyền bá học thuyết của mình, thu nhận các môn đồ, trong 40 năm nữa. Đến năm 80 tuổi Ngài qua đời, tức là năm 483 trước Công nguyên.

Trong điện thờ Phật Tổ có ba cửa vồng, ba bức hoành phi và các câu đối thục đồng (câu đối bằng đồng thục chữ và hoạ tiết) đều ca ngợi công đức của Phật và cảnh đẹp của chùa. Đó là những sản phẩm của trí tuệ con người, cũng là di sản văn hoá Phật giáo, văn hoá dân tộc của nước ta. Các câu đối này cũng dài và rộng lớn nhất Việt Nam.

Bức hoành phi ở gian giữa dài 11,2m, rộng 4m, dày 0,06m, dùng hết 5 khối gỗ vàng tâm, nặng khoảng 3 tấn. Cửa vồng ở dưới, chiều ngang 12,8m, chiều dọc theo cột là 8m, dày 0,11m, nặng khoảng 8,5 tấn, dùng hết 19 khối gỗ vàng tâm thành khí. Đây là bức

hoành phi và cửa võng lớn nhất Việt Nam, mới chỉ có ở chùa Bái Đính.

Hoành phi và cửa võng ở hai gian bên có kích thước như nhau. Hoành phi có chiều dài 7m, rộng 3m, dày 0,06m, dùng hết 3,5 khối gỗ vàng tâm thành khí, nặng khoảng 2,5 tấn. Cửa võng có chiều ngang 7,35 m, chiều dọc theo cột 7m, dày 0,11m, nặng 5,5 tấn, dùng hết 15 khối gỗ vàng tâm thành khí. Các hoành phi và cửa võng đều được sơn son thếp bạc, phủ hoàn kim.

Các bức hoành phi đều có 4 ô, mỗi ô chạm kênh bong một chữ Hán lớn, nổi lên 2cm, nền gấm cài bát bảo (8 vật quý: kiếm, bút, sách, quạt, bầu rượu, túi thơ, đàn sáo, lẵng hoa). Đường viền của hoành phi soi vỏ măng tứ quý và tứ linh.

Các cửa võng đều làm theo lối cổ truyền, nhưng thiết kế theo kiểu ô sa đại hội, có khung i nóc chịu lực, bên ngoài ốp gỗ che đi. Hàng trên có 7 ô. Ô giữa chạm hoa phù dung, bốn ô vuông hai bên chạm kênh bong tứ quý chuyển bát đối xứng nhau. Hàng thứ hai chạm khắc kênh bong, thông phong “*lưỡng long triều nguyệt*”. So le ở hai hàng trên và dưới còn chạm tứ bình cầm hoa sen, nhưng mỗi bình đều trang trí khác nhau theo cổ đồ (cầm, kỳ, thi, họa). Hàng thứ ba hai ô ở hai bên chạm kênh bong thông phong hai con

phượng châu. Hàng thứ tư hai ô vuông ở trong chạm khắc long mã châu, hai ô ngoài chạy dài xuống dưới theo cột chạm khắc liên quy (sen, rùa). Đường diềm của vồng chạm khắc thông phong “*cửu long tranh châu*” (chín rồng tranh ngọc) và hai lẵng hoa dưới đường diềm.

Kỹ thuật chạm đục cửa vồng là kênh bong, thông phong cả hai mặt theo các hình: tứ linh (long, ly, quy, phượng), tứ quý (tùng, trúc, cúc, mai), lưỡng long triều nguyệt, phượng châu, long mã, sen quy, long cuốn thủy. Họ phải làm trong 1 năm mới xong một cửa vồng.

Đặc biệt là, ở gian giữa điện còn đặt một sập thờ, có chiều dài 8,55m, rộng 4,52m, cao 1,27m. Kích thước của sập đều vào các cung Nghênh Phúc, Tài Lộc. Như thế diện tích của mặt sập rộng 39m², tương đương với diện tích của một ngôi nhà ngói cổ 4 gian. Mặt sập dày 0,1m. Để đỡ nổi mặt sập rộng, dày và nặng như thế phải bảo đảm chắc khỏe về kết cấu nên sập phải có 8 chân vuông, mỗi chiều 0,45m (4 chân ở bốn góc và 4 chân ở hai chiều dài). Các chân đều đục chạm rồng kênh bong, uốn lượn. Sập đục tứ diện (bốn mặt), nhìn hướng nào, góc nào, trên nhìn xuống, dưới nhìn lên, đều long lanh, huyền diệu. Chính giữa sập đục chạm hình tượng toạ sen và bánh xe chuyển

pháp luân. Phần yếm ở ba mặt: mặt tiền và hai hồi được đục chạm hai lớp, tạo cảm giác trùng điệp. Bốn mặt yếm được đục chạm toàn bộ hình rồng mây cách điệu. Phần cổ sập cao trên 0,4m, được chia nhiều ô ngang, có đồ dọc lệch nhau, trông xa như hình một chiếc áo cà sa khổng lồ trang trí hàng trăm con rồng vàng son rực rỡ. Phần diềm của mặt sập và hai tai hai bên được coi là phụ hơn, so với chân yếm và cổ, nhưng cũng được đục chạm hết sức cầu kỳ, với hàng nghìn lá đề và cánh sen cách điệu. Đường nét đục chạm ở sập rất tỷ mỷ, có chỗ chỉ 3mm nhưng đều tăm tắp, uốn lượn nhịp nhàng. Có thể nói, từ kỹ thuật đục chạm đến mỹ thuật của sập đã được làm theo một quy trình rất nghiêm ngặt và công phu, toát lên được vẻ đẹp truyền thống vừa thâm trầm về ý tưởng, vừa tinh xảo về đường nét, lung linh, đẹp đẽ, rực rỡ. Nó là một tác phẩm gỗ mỹ nghệ cao cấp, rất đặc biệt, uy nghi, tráng lệ. Để làm chiếc sập này đã phải sử dụng đến trên 10 khối gỗ vàng tâm thành khí. Đây là một sập thờ bằng gỗ to lớn nhất, được chạm khắc tinh vi và đẹp đẽ nhất ở Việt Nam.

Chiếc sập này do Giám đốc Vũ Quý và kỹ sư Nguyễn Xuân Đức - phó Giám đốc thiết kế cùng các nghệ nhân tài ba của Công ty đồ gỗ mỹ nghệ Bảo

Quý - Hưng Long ở thôn Đồng Ky, xã Đồng Ky, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chế tác.

Trong điện còn có đôi hạc đồng cao 4,5m, mỗi con nặng khoảng 1 tấn; một lư đồng, một chiều dài 1,8m, một chiều 1m; lồng đèn đồng cao 4m.

Hiện nay, ở phía bắc cuối sân điện thờ Phật Tổ và phía bắc cuối sân toà Tam Thế xây nhiều bệ trồng nhiều cây bồ đề lưu niệm của các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước nhân dịp về thăm chùa Bái Đính. Có một số cây bồ đề được chiết từ cây bồ đề Phật Thích Ca đắc đạo ở nước Ấn Độ. Cây bồ đề gắn liền với Thái tử Tất Đạt Đa (Phật Tổ).

Thái tử Tất Đạt Đa sinh năm 563 TCN, người Ấn Độ có vợ đẹp con khôn, nhưng năm 29 tuổi Ngài đã dời lầu vàng, điện ngọc đi vào Đạo, tìm con đường cứu khổ và chịu khổ. Ngài sống trong rừng, ngồi suốt đêm ở các bờ sông, gốc cây. Cuối cùng Ngài ngồi thiền 49 ngày dưới cây bồ đề để thành Phật. Từ đó, mọi người đều sùng mộ tôn kính đến lễ bái dưới cây bồ đề. Vì thế, trong các chùa thường trồng cây bồ đề.

Ở nước ta, hầu như chùa nào cũng trồng cây bồ đề. Nhưng chỉ có ba cây bồ đề lớn và đẹp hơn cả là ba cây bồ đề sau:

- Cây bồ đề ở chùa Linh Sơn (thành phố Hồ Chí Minh) do nhà sư người Ceylon, tên là Maha Thera Narada đem từ Bolhgaya sang tặng cho Nam Kỳ nghiên cứu Phật học hội từ năm 1938.

- Cây bồ đề ở chùa Từ Đàm (Huế) được xem là đẹp nhất.

- Cây bồ đề ở chùa Trấn Quốc (Hà Nội) do Tổng thống Ấn Độ Razendra Prasát tặng nhân dịp sang thăm nước ta ngày 24 tháng 3 năm 1959.

Điều đặc biệt hơn cả là ở chùa Bái Đính không có cây bồ đề cao to, nhưng lại có nhiều cây bồ đề nhất. Đi trong khuôn viên chùa, nhất là trên đường vào thấy rất nhiều cây bồ đề.

Trong dịp Đại lễ VESAK 2008 tức là Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc tổ chức tại Việt Nam, Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đã công bố 11 kỷ lục Phật giáo, thì trong đó có một kỷ lục là: **Chùa Bái Đính có lẽ trồng cây bồ đề nhiều nhất Việt Nam.**

IX – VƯỜN TƯỢNG PHẬT TÍCH BẰNG ĐÁ

Lễ Phật Thích Ca Mâu Ni xong, du khách vào thăm vườn tượng Phật tích bằng đá, tái hiện lại lịch sử của đạo Phật Thích Ca Mâu Ni trong bốn giai đoạn: đản sinh, xuất gia, hành đạo, Niết Bàn.

Chiều ngang của vườn là 91,8m, chiều dài 114m, có diện tích 10.465m².

Phía đông và phía tây vườn xây 2 dãy bậc để đi lên toà Tam Thế, mỗi dãy gồm 200 bậc đá.

X – THÁP BỒ ĐỀ 9 TẦNG

Tháp Bồ đề 9 tầng tọa lạc ở phía tây, cao 50m (cao nhất trong khu chùa). Tháp xây gần vuông (một chiều 30m, một chiều 25m). Trong tháp có xây cầu thang cao 34m để lên sàn quan sát. Du khách đứng ở đây sẽ ngắm nhìn được toàn bộ quang cảnh chùa. Bốn góc của tháp còn xây thêm 4 tháp phụ nhỏ, kiến trúc theo kiểu tháp Ấn Độ.

Tầng hầm của tháp có đặt một tượng Phật. Đây cũng là một trong những tháp cao và to, lớn nhất từ trước cho đến nay ở các chùa Việt Nam.

XI – TOÀ TAM THẾ CÓ BA PHO TƯỢNG PHẬT TAM THẾ BẰNG ĐỒNG LỚN NHẤT VIỆT NAM.

Sau khi bước lên cao qua 200 bậc đá, du khách lên đến sân toà Tam Thế. Đứng ở đây, là đứng trên một quả đồi cao hơn 67m, nếu so với mặt đất ở dưới Tam quan. Nếu so với mặt nước biển thì sân toà Tam Thế có độ cao trên 76m.

Kiến trúc của khu chùa Bái Đính là từ thấp lên cao, 5 cấp theo đường chính đạo: đầu tiên là Tam quan Nội, đến tháp chuông, điện thờ Quan Thế Âm Bồ Tát, điện thờ Phật Tổ và trên cùng là toà Tam Thế. Năm cấp này cao dần lên, biểu tượng cho ngọn núi thiêng Tu Di.

Nếu tính theo độ dài từ Tam quan Nội đến toà Tam Thế thì khu chùa hiện nay xây dựng ở giai đoạn I có chiều dài 812m.

Sân toà Tam Thế rất rộng, có diện tích 13.000m² ở bốn phía toà Tam Thế.

Từ sân, có hai lối lên toà Tam Thế, mỗi lối rộng 8m, gồm 32 bậc đá theo độ cao từ sân lên đến hiên là

4m. Giữa hai lối lên còn làm một phù điêu đá hình vuông mỗi chiều 10m, có diện tích 100m^2 được ghép bằng nhiều phiến đá có độ dày 0,2m. Bốn góc của phù điêu đá, phía trên chạm khắc hai con phượng châu, phía dưới bên phải chạm khắc con rùa, bên trái chạm khắc con ly, ở giữa là hình mặt nguyệt rộng bên trong chạm khắc con rồng uốn lượn. Bức phù điêu đá lớn này chạm khắc tứ linh (long, ly, quy, phượng), độ cao của các hình chạm khắc là 5cm.

Hai bên bức phù điêu đá đó dựng hai con rồng đá lớn, dài 10m, chạm khắc thông phong và kênh bong rất đẹp.

Nếu đứng ở hiên nhìn xuống theo đường chính đạo thì chỉ nhìn thấy mái sau của điện thờ Phật Tổ và đã ở độ cao so với mặt nước biển là 80m.

Đây là một toà cao, rộng, đồ sộ, nhất ở khu chùa Bái Đính. Chưa có một kiểu kiến trúc chùa nào trên đất nước ta đẹp dễ, nguy nga, hoành tráng như ở đây. Nó kiêu hãnh nằm trên đồi cao nhất vùng, cao tới nóc 34m, dài 59,1m, rộng hơn 40m, diện tích trong nhà 2.364m^2 . Toà Tam Thế cũng xây dựng bằng bê tông cốt thép giả gỗ, có 3 tầng mái uốn cong, gồm 12 mái ở bốn phía. Tất cả các mái được uốn cong, lợp bằng ngói men ống Bát Tràng màu nâu sẫm. Các

góc của mái đều có mái đao cong lên như hình đuôi chim phượng làm cho mái uốn lượn, uyển chuyển, hài hoà như sóng nước thủy triều, như con thuyền trôi trên nước, như hai cánh chim đang dang rộng để bay lên. Đường nét này đã thấy khắc trên mặt trống đồng Đông Sơn, đó cũng là nét của vuông và tròn, của trời và đất, biểu tượng cho âm dương hoà hợp, nói lên chí hướng và tâm hồn người Việt Nam, thể hiện triết lý nhân sinh phương Đông sâu sắc.

Vì có 3 tầng mái nên có 2 hàng cổ lâu, có tác dụng nâng độ cao của chùa lên, đồng thời vừa lấy ánh sáng vừa để thông khí.

Mái toà Tam Thế dài rộng nên bờ đao cao tới 1,3m, mái đao cao 2,7m, mặt nguyệt ở đỉnh mái cao tới 4m, đầu kim cao 3,5m. 12 mái đao đều đắp theo kiểu hoa lá dây, biểu tượng cho sự sinh sôi nảy nở, trường tồn. Ở phía dưới các mái đao đều đắp các con bài hoạ tiết cao 2,3m để đỡ chân đao.

Toà Tam Thế có 7 gian, 3 gian giữa (gian chính rộng 10,5m, hai gian bên, mỗi gian rộng 9m), 2 gian hai bên nữa mỗi gian rộng 7,2m, 2 gian chái mỗi gian rộng 4,5m (đều không tính đến cột). Trong toà Tam Thế có 66 cột bê tông cốt thép giả gỗ cao to, gồm 2 hàng cột cái, hàng trước có 4 cột, hàng sau 2

cột; hai hàng cột trung, mỗi hàng 6 cột; 24 cột con ở bốn phía và 24 cột hiên ở bốn phía. Cột cái cao đến 24,8m, đường kính 1,1m, chu vi 3,3m; cột trung cao 16,2m, đường kính 0,8m; cột con cao 9m, đường kính 0,7m. Các cột bê tông ở trong toà Tam Thế đều được ốp gỗ. Cũng giống như điện thờ Phật Tổ, các cột hiên, xà ngang, xà dọc, dui mè trong toà Tam Thế đều được sơn màu giả gỗ, nhìn xa sẽ tưởng là gỗ.

Ba gian phía trước toà Tam Thế có học cửa và cánh cửa làm bằng gỗ lim. Gian giữa lắp 10 cánh cửa, mỗi cánh cao 3,7m, rộng 0,91m; hai gian hai bên mỗi gian 8 cánh cửa, mỗi cánh cửa cao 3,7m, rộng 0,95m.

Toà Tam Thế cũng giống như điện thờ Phật Tổ, tường sau, hai hồi và tường trước của bốn gian gần hai hồi, phía ngoài tường xây gạch không trát, phía trong xây 1.808 ô nhỏ cao 0,59m, rộng 0,3m, sâu 0,3m, trong đó đặt 1.808 tượng Phật nhỏ bằng đồng.

Trong toà Tam Thế đặt 3 pho tượng Tam Thế bằng đồng nguyên khối, mỗi tượng cao 7,2m, nặng 50 tấn đều dát vàng trên ba bệ cao 1,5m, ốp đá thước chạm khắc hoa văn trông rất bề thế. Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đã cấp bằng "*Xác nhận kỷ lục*": "*Ngôi chùa có bộ tượng Tam Thế bằng đồng lớn nhất Việt Nam*", ngày 12 tháng 12 năm 2007.

Ba tượng Tam Thế do nghệ nhân bàn tay vàng Vũ Duy Thuấn cùng các nghệ nhân đúc đồng ở thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đúc. Năm 2001 họ đã từng đúc pho tượng Phật Tổ đặt ở chùa Non, núi Sóc Sơn, Hà Nội, nặng 30 tấn.

Ngày 26 tháng 12 năm Giáp Thân, tức là ngày 04 tháng 2 năm 2005 pho tượng Tam Thế đầu tiên (tượng Phật Hiện Tại) đã được đưa về chùa Bái Đính.

Ngày 10 tháng 9 năm Ất Dậu, tức là ngày 12 tháng 10 năm 2005 hai pho tượng Phật Quá Khứ và Phật Vị Lai chuyển nót về chùa Bái Đính.

Một điều rất may mắn là, những nghệ nhân đúc tượng Phật bằng đồng và các đồ thờ bằng đồng ở khu chùa Bái Đính đều là người huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Tương truyền, thiền sư Nguyễn Minh Không sống cách ngày nay gần 1.000 năm đã đúc tượng Phật Di Lặc bằng đồng ở chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh) cao 6 trượng, thời đó được coi là một trong bốn báu vật lớn của Việt Nam, khi đi qua đây hành đạo đã truyền nghề đúc đồng cho người dân ở huyện Ý Yên. Gần 1.000 năm truyền nghề lại cho đến bây giờ nghề đúc đồng vẫn còn lưu giữ được. Vinh dự lớn nhất của họ là được đúc những tượng Phật bằng đồng lớn nhất Việt Nam đặt ở chùa Bái Đính - nơi thiền sư

Nguyễn Minh Không đã lập chùa, cũng là nơi có đền thờ Ông Tổ của nghề đúc đồng Việt Nam và được đúc tượng Nguyễn Minh Không bằng đồng dát vàng đặt trong đền thờ Nguyễn Minh Không bên sườn núi Bái Đính về phía tây.

Phải chăng, ở đây có sự tiếp nối giữa xưa và nay, có sự hội ngộ, gặp gỡ giữa tiền nhân và hậu thế đều đã được đúc những pho tượng đồng lớn nhất Việt Nam. Điều đó khẳng định nghề đúc đồng của nước ta đã có cách ngày nay gần 1.000 năm và hiện nay đang được hưng thịnh.

Những pho tượng Phật được các nghệ nhân đúc đồng đúc ở chùa Bái Đính cũ và khu chùa Bái Đính mới được xây dựng, dù to hay nhỏ đều chứa đựng những ước nguyện của con người, luôn mong muốn những điều may mắn, tốt lành trong cuộc sống, mang theo tâm tư và tình cảm của người đúc tượng. Con người đến chùa có cái thú chiêm ngưỡng các pho tượng Phật, muốn tu nhân, tích đức hơn trước về mặt dịu hiên, nhân hậu của Phật. Các pho tượng đồng ở đây cao to sừng sững, uy nghiêm nhưng vẫn có vẻ đẹp hài hoà, thanh thoát, gần gũi, lôi cuốn xao động tâm hồn của con người.

Tượng Tam Thế, gọi đầy đủ là “*Tam Thế Thường*

Trụ Diệu Pháp Thân” (Thân pháp chân thực tức đạo thể, nhiệm màu đẹp đẽ của các đức Phật tồn tại vĩnh hằng trong cả ba thời), hoặc “*Tam Thế tam thiên Phật*”: Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai.

Tượng Phật Hiện Tại ở giữa, tượng Phật Quá Khứ và tượng Phật Vị Lai ở hai bên. Ba tượng Phật này đều ngồi trên toà sen, tượng trưng cho chư Phật của ba đời nhằm dẫn dắt chúng sinh về dòng chính pháp. Quá Khứ Phật là chư Phật thời quá khứ, gọi là trang nghiêm kiếp, một trong các Phật Quá Khứ là Phật A Di Đà. Hiện Tại Phật là Phật thời hiện tại gọi là hiện kiếp. Phật giáo Đại thừa coi Thích Ca Mâu Ni là hoá thân của Phật Hiện Tại xuất hiện để giáo hoá chúng sinh. Vị Lai Phật là các đức Phật Tương lai gọi là tinh tú kiếp, trong số đó có Phật Di Lặc. Ba tượng Tam Thế đại diện cho ba ngàn chư Phật khác nhau ở trên đời của cả 3 kiếp cho nên được đặt ở nơi cao nhất.

Ba tượng Tam Thế đặt ở ba gian chính, có ba tư thế khác nhau.

Mặt ba tượng đều giống nhau ở chỗ phảng phất nét chân dung nữ tính, đều có những xoắn tóc nhỏ ken dày, lông mày cong, mắt nhìn xuống, sống mũi thẳng, miệng mỉm cười, tai to dài, dày, ngực nở có

chữ “*vạn*”, khoác áo cà sa hở ngực, ống tay áo dài hợp cùng với vạt áo phủ qua đùi.

Đằng sau ba pho tượng Tam Thế đều có 3 phù điêu hình lá đề to lớn bằng đồng (thúc đồng) gồm nhiều mảnh ghép lại, có gần hàng trăm pho tượng Phật nhỏ đúc bằng đồng có kích cỡ khác nhau.

Trong toà Tam Thế cũng có những bức hoành phi, cửa võng làm bằng gỗ vàng tâm, riêng câu đối làm bằng đồng (thúc đồng), đều có những kích thước rất to lớn chưa từng thấy ở đâu. Các đồ thờ làm bằng đồng, đôi hạc châu cũng bằng đồng, đều cao lớn mới tương xứng với toà nhà cao rộng này.

Ba gian giữa trong toà Tam Thế đều có 3 bức hoành phi và ba cửa võng đều làm bằng gỗ vàng tâm, sơn son thếp bạc phủ hoàn kim, thiết kế giống như hoành phi và cửa võng ở điện thờ Phật Tổ. Bức hoành phi ở gian giữa dài 8,8 m, rộng 3,2m, dày 0,06m, dùng hết gần 3 khối gỗ thành khí. Cửa võng có chiều ngang 9,46m, chiều dọc theo cột 9,3m, dày 0,12m, nặng khoảng trên 6 tấn, dùng hết trên 13 khối gỗ thành khí. Các cửa võng ở đây làm nền cho Phật điện như loé lên những điểm sáng của ánh vàng để hướng con người vào cõi Phật. Đây được coi là những tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao.

Trong toà Tam Thế cũng đặt ba sập thờ bằng gỗ, mỗi sập dài 4,79m, rộng 2,35m, cao 1,27m, theo kiểu chân quỳ dạ cá, chạm khắc giống như sập ở điện thờ Phật Tổ. Mỗi sập dùng đến 3,5m³ gỗ vàng tâm thành khí.

Đôi hạc đồng trong toà Tam Thế cao 4,9m, mỗi con nặng hơn 1 tấn. Lư hương bằng đồng có chiều ngang 1,8m, rộng 1m, lồng đèn đồng cao 4m.

XII – HÀNH LANG LA HÁN CÓ SỐ LƯỢNG TƯỢNG LA HÁN ĐÁ LỚN NHẤT VIỆT NAM

La Hán là từ rút gọn, gọi đầy đủ là A La Hán. Trong Phật giáo Tiểu thừa⁽¹⁾, La Hán là trạng thái cuối cùng của một sinh thể trên con đường giải thoát, đã qua bốn quả vị (tứ quả) là La Hán quả, đạt đến một thành tựu rất cao, tức là tu hành đã đắc đạo, đến sự yên tĩnh vĩnh hằng cõi Niết Bàn, thoát khỏi vòng

⁽¹⁾ Đại hội Phật giáo lần thứ 4 tổ chức vào nửa đầu thế kỷ II sau công nguyên, đạo Phật chia làm 2 phái: Tiểu Thừa (Phật giáo Nam tông) và Đại Thừa (Phật giáo Bắc tông).

Tiểu thừa có nghĩa là “cỗ xe nhỏ”, hay “con đường nhỏ của sự cứu vượt”, duy trì giáo lý từ thời Phật tổ để lại, truyền bá xuống phía Nam. Quan niệm của Tiểu Thừa là tự giác ngộ, tự giải thoát cho mình, chỉ có một mình Phật Thích Ca Mâu Ni mới cứu độ chúng sinh được, những người thường không thể thành Phật được. Vì vậy, ở các chùa theo phái Tiểu Thừa, nơi chính điện chỉ có một tượng Thích Ca Mâu Ni, không có tượng nào nữa. Người tu hành mặc áo vàng, hở vai, vì đó là màu áo quần khổ nhất ở Ấn Độ, hàng ngày đi khát thực trong dân để sinh sống. Phật giáo Tiểu Thừa truyền xuống các nước Đông Nam Á (có cả Việt Nam – chủ yếu ở miền Trung và miền Nam). Như thế Tiểu Thừa chủ trương cứu vớt bằng tự tu.

sinh tử. Trong Phật giáo Đại Thừa⁽¹⁾, La Hán được thay thế bằng Bồ Tát. Nếu giải thoát cho riêng mình thì Bồ Tát có khả năng cứu giúp những người khác cũng được giải thoát.

Tóm lại, La Hán là những người tu hành đã đắc đạo, có người ở dưới Bồ Tát, có người là Bồ Tát. Họ có thể lên cõi Niết Bàn để thành Phật, nhưng vui lòng ở lại trần gian để phổ biến kinh Phật và cứu vớt chúng sinh. Họ chính là những đệ tử của Phật. La Hán còn được gọi là Tôn Giả.

Vì vậy, ở những chùa lớn đều xây dựng hai dãy nhà hành lang La Hán, nằm bên tả, hữu của chính điện đi thông vào hậu đường.

Ở Việt Nam có nhiều chùa xây dựng hành lang La Hán, riêng chùa Tây Phương nằm trên núi Câu

⁽¹⁾ Đại Thừa có nghĩa là "cỗ xe lớn", hay "con đường lớn của sự cứu vớt" là đạo Phật ở miền Bắc Ấn Độ, bổ sung thêm nhiều yếu tố triết học Hy Lạp và Trung Á trong giáo lý Phật, được truyền đến các vùng phía Bắc. Quan niệm của phái Đại Thừa là không chỉ giác ngộ giải thoát cho mình mà còn giải thoát cho nhiều người khác, không chỉ có Phật Thích Ca cao nhất mà còn có nhiều Phật khác nữa, như Phật A Di Đà, Di Lặc, Đại Dược Sư, ... Ai cũng có thể trở thành Phật như Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Quan Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, ... Họ là những người tuy đã thành Phật nhưng không lên cõi Niết Bàn mà ở lại cõi trần để cứu vớt chúng sinh. Người tu hành mặc áo nâu hoặc áo màu tro, là màu áo quần của người nông dân cùng khổ thường mặc trước đây, tự lao động để sinh sống. Phật giáo Đại Thừa chủ yếu ở miền Bắc Việt Nam.

Lậu, thuộc xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây có 18 pho tượng La Hán tạc bằng gỗ cỡ lớn sơn son thếp vàng. Đó là 18 vị La Hán nổi tiếng mà nhà thơ Huy Cận đã viết bài thơ “*Các vị La Hán chùa Tây Phương*”.

Tại chùa Bái Đính là ngôi chùa lớn nhất Việt Nam đã xây dựng hai dãy nhà hành lang La Hán dài, đặt 500 vị La Hán bằng đá. Lần đầu tiên ở Việt Nam có số lượng La Hán nhiều đến như thế đặt trong một ngôi chùa.

Từ hai góc đông tây ở hai dãy nhà gỗ cổ tại Tam quan Nội theo chiều dọc thẳng đến hai nhà Tả vu và Hữu vu, mỗi bên xây dựng 117 gian nhà hành lang, có chiều dài 526m. Tổng số 2 bên có 234 gian.

Các dãy nhà La Hán đều kiến trúc bằng gỗ, theo kiểu chồng giường, tiền bẩy, hậu bẩy, lợp bằng ngói men ống Bát Tràng màu nâu sẫm, mỗi gian dài 4,5m, rộng 4,5m, các cột và vì kèo đều bằng gỗ tứ thiết, mỗi cột cao 4,05m, đường kính cột 0,4m. Ngoài các gian hành lang để tượng các La Hán còn có 6 cổng ở hai bên (mỗi bên 3 cổng) để đi, ra vào nhà La Hán, mỗi cổng có 3 gian (gian giữa rộng 4,5m, có lắp 4 cánh cửa bằng gỗ lim ở phía ngoài, hai gian cạnh rộng 3m, xây tường kín phía ngoài). Các cột của cổng cao 7,6m, đường kính 0,45m, mỗi cổng có 8

cột ở hai hàng và 4 vì. Cổng cao tính đến nóc là 9,6m. Chỉ riêng cổng ở các góc mái mới có mái đao.

Mỗi dãy nhà hành lang La Hán kiến trúc từ thấp lên cao, có 22 bậc, mỗi bậc cao 1,35m, cho nên cột ở bậc cao 5,4m.

Số lượng gỗ để làm hai dãy nhà hành lang La Hán chiếm nhiều nhất, hết khoảng 3.500 khối gỗ tứ thiết.

Trong các gian nhà hành lang đó đặt 500 tượng La Hán bằng đá nguyên khối. Mỗi gian chỉ đặt có 3 tượng đá La Hán. 500 tượng đá La Hán này do bàn tay các nghệ nhân tài hoa nhất của làng nghề đá xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình chế tác. Xã Ninh Vân có nghề chạm khắc đá từ lâu đời. Những người thợ ở đây đã làm các đồ mỹ nghệ và một số sản phẩm đá như: tượng, bia, chậu cảnh, thống (chậu cảnh to), bể cảnh, bát hương, các đồ thờ, các con vật thờ, hương án, bệ, tượng, ... Khó nhất vẫn là làm tượng Phật. Mà làm tượng Phật, tạo đường nét của dáng và mặt là khó nhất "*nhất dáng nhì diện*". Cũng là ngồi, nhưng dáng ngồi phải vững và oai nghiêm. Mặt tượng phải thể hiện được tâm trạng cái hồn linh thiêng của Phật.

Khi tạc 500 vị La Hán đá, điều khó khăn lớn nhất là không có mẫu tượng. Họ chỉ có một tập sách

“*Ngũ Bách La Hán*” bằng tiếng Trung Quốc do Nhà xuất bản Yên Sơn, Bắc Kinh phát hành năm 1991, trong đó có viết rất ngắn gọn về lai lịch 500 La Hán, bên cạnh có phác thảo (ký họa) sơ lược từng vị. Các nét vẽ này chỉ thể hiện được dáng hình đứng, chủ yếu là ngôi của các vị La Hán, không thấy rõ được lông mày, mắt, mũi, miệng, tai và đặc biệt là không toát ra được nội tâm của các vị La Hán. Vì vậy, phải cần đến những nhà điêu khắc ở Hà Nội. Các nhà điêu khắc theo các phác thảo trong sách, đọc thêm những dòng giới thiệu sơ lược lai lịch từng vị La Hán để tạo dựng khuôn mẫu. Đầu tiên, họ phải nặn tượng bằng đất (âm bản), sau đó dùng “*comprit*” là chất nhựa giãn nở đàn hồi tốt làm dương bản cho các tượng với tỷ lệ 1/3 cấp số theo không gian 3 chiều. Mẫu mỗi tượng trung bình có chiều cao 0,80m. Các nhà điêu khắc đã làm công việc sáng tạo mẫu 500 vị La Hán trong một năm (2004) mới xong.

Ninh Bình là một tỉnh có nhiều dãy núi đá trùng điệp, đặc biệt núi Thiên Dưỡng (trước là núi Thiên Dưỡng) ở xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, sắc đá xanh biếc, trước đây người ta lấy đá làm nghiên mài mực nho rất trơn mịn. Theo sử nhà Minh, thì trong số 21 núi có tiếng ở Việt Nam, núi ấy là một. Cho nên để chạm khắc tạo dựng 500 vị La Hán, các thợ đá xã Ninh Vân đã lấy đá ở núi Thiên Dưỡng.

Khâu đầu tiên là đi tìm đá, chọn đá, phải chọn đá xanh hoặc đá trắng có vân, thớ dài. Loại đá này rất cứng nên khi đục không bị vỡ, nứt. Trên 500 khối đá, mỗi khối nặng khoảng 5 - 6 tấn được đưa về xưởng. Chỉ riêng công việc này đã là một kỳ công. Có đá rồi, tùy theo mẫu tượng, người thợ đá tiến hành đục dáng sản phẩm. Đây là bước đục thô, rất vất vả và mất nhiều công sức. Đục làm sao để đá không vỡ, theo đúng mẫu của 500 bức tượng La Hán khác nhau. Dụng cụ của họ chỉ là các đục to, nhỏ, búa và có thêm máy cắt, máy mài, máy me nữa. Sử dụng đục to hay nhỏ dáng búa nặng hay nhẹ, tùy thuộc vào thớ đá, kỹ thuật của người đục. Đục thô xong mới đến đục chi tiết. Công đoạn này vô cùng quan trọng làm sao cho 500 tượng La Hán đá phải giống mẫu, đẹp và có hồn. Những người có tay nghề cao, trình độ kỹ thuật tinh xảo, và tính cẩn thận, chịu khó mới làm được việc này. Nếu chỉ một sơ suất nhỏ là đá sẽ vỡ hoặc mẻ, hỏng tượng, không hàn gắn được. Sức tưởng tượng và sáng tạo của họ vô cùng phong phú, từ lông mày, mắt nhìn, nhân trung đều thể hiện đường cong theo đường nét của hoa sen. Nếp áo cà sa cũng thể hiện đường gân của lá sen. Có thể nói, đây chính là 500 vị La Hán đá của Việt Nam do người Việt Nam sáng tạo, dĩ nhiên có dựa vào

phác thảo của Trung Quốc. Vì vậy 500 tượng La Hán đá này có thể không giống 500 tượng La Hán của Trung Quốc về chi tiết. Mỗi pho tượng đều có dáng hình, phong độ, thần thái, tâm trạng khác nhau, nhưng đều có nét chung là sự hoà trộn giữa nỗi đau nhân thế với cái chí khí bất diệt, cao cả của nhà truyền đạo.

Đã 4 năm rồi (2004 – 2008) xưởng đúc tượng La Hán đá của ông Phạm Viết Hoàn và ông Hoàng Đình Từ ở xã Ninh Vân lúc nào cũng náo nhiệt, chỗ này một nhóm thợ đang phác thảo tượng trên khối đá, chỗ kia đục đẽo chi tiết, mài đá cho nhẵn lì. Họ đang xoay tròn cùng đá, đôi bàn tay dẻo dai cũng rắn chắc như đá, đã bạc đầu với La Hán. Chỉ sau nửa giờ, đầu các thợ đã bạc trắng bụi đá. Có khi họ phải *“hút bụi tạc hình”* để tía tốt những chi tiết tinh xảo trên nét mặt La Hán. Để có một tượng La Hán đá, một thợ chính và một thợ phụ phải làm trong 3 tháng mới xong. Những người thợ không chỉ là một nghệ nhân, mà còn là một nhà điêu khắc, một họa sỹ, thậm chí là một thi sỹ nữa. Phải có cảm hứng, tâm hồn bay bổng, lòng kính yêu Phật thì mới thổi luồng sinh khí vào đá được, làm cho nó sống động, chân thực đến kinh ngạc. Kỳ lạ thay, từ những khối đá sù sì qua bàn tay của những người thợ khéo tạo hình, phục dựng đã thành 500 vị La Hán, cũng là 500 tác phẩm nghệ

thuật hoàn hảo. Nó có sức sống mãnh liệt, vì được làm ra từ tâm huyết của những người thợ, mà họ đã khổ công tạo ra. 500 vị La Hán này to, cao, cả bệ cao đến 2,5m, khác nhau về hình dáng, khuôn mặt, từ mắt, mũi, tai, miệng; gò má, ... không tượng nào giống tượng nào.

Kỹ thuật chạm khắc các tượng La Hán đá ở đây là tủa tốt, đường nét rất tao nhã, uyển chuyển, mềm mại và công phu.

500 tượng La Hán đá ở chùa Bái Đính chính là 500 tác phẩm nghệ thuật điêu khắc đá tài hoa.

Phía trước bệ của 500 tượng La Hán đá đều có chạm khắc tên của từng Tôn Giả, bằng tiếng Việt (trên), tiếng Trung Quốc (dưới) và có đánh số thứ tự.

*

*

*

Nguồn gốc 500 vị La Hán như sau:

Năm 1991, Nhà xuất bản Yên Sơn ở Bắc Kinh, Trung Quốc xuất bản bộ kỳ thư “*Ngũ Bách La Hán*”⁽¹⁾. Theo “*Lời nói đầu*” của sách, Giáo sư Bạch Hoá Văn ở Trường Đại học Bắc Kinh, Trung Quốc

⁽¹⁾ Bản dịch của Phạm Đức Hân và Phạm Văn Tuấn – Tiến sỹ Đinh Khắc Thuân là cán bộ Viện nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam hiệu đính (bản đánh vi tính gồm 520 trang)

viết ngày 15 tháng 8 năm 1991, La Hán là những đệ tử của Phật Thích Ca khi Thích Ca còn sống. Số lượng có “từ 500 tới 1600 người, 500 La Hán chỉ là một con số”. Cũng có sách ở Trung Quốc ghi: “sau khi Phật diệt độ, Tôn Giả Ca Diếp cùng với 500 vị La Hán (500 Tỳ kheu) lần đầu tiên tổ chức kết tập Kinh điển”. Giáo sư Bạch Hoá Văn kết luận: “Tóm lại những vấn đề có liên quan đến truyền thuyết 500 La Hán phần nhiều đều có ghi chép trong kinh Phật nhưng tất cả đều không ghi chép về tên gọi”.

500 vị La Hán xuất hiện ở Trung Quốc, từ “Năm đầu niên hiệu Hiển Đức (954)⁽¹⁾, thiền sư Đạo Tiềm được sự đồng ý của Ngô Việt Tiên Trung ý vương đời 16 pho tượng đại sỹ từ chân núi Lô Phong đến chùa Tịnh Từ, dựng nhà đặt tượng 500 vị La Hán. Niên hiệu Ung Hi thứ hai đời Vua Tống Thái Tông (982)⁽²⁾ tạc 516 pho tượng La Hán (16 A La Hán và 500 La Hán) đặt thờ ở chùa trên núi Thiên Thai”. “Trong thời gian ấy, chùa viện ở các nơi cũng đều xây dựng toà La Hán đường hoặc La Hán các” (lời nói đầu).

“Từ đời Tống về sau thì trong các chùa miếu thời cận hiện đại đều có nhà La Hán để thờ phụng

⁽¹⁾ Đời Vua Hậu Chu Thái Tổ tương đương với đời Ngô Nan Tấn Vương và Ngô Thiên Sách Vương (Xương Văn và Xương Ngập) ở Việt Nam.

⁽²⁾ Tương đương với đời Vua Lê Đại Hành niên hiệu Thiên Phúc năm thứ 3

500 La Hán”, “Những tự viện thời cận đại có những La Hán dường mang tính đại biểu như chùa Bích Vân ở Bắc Kinh, chùa Long Hoa ở Thượng Hải, chùa Quy Nguyên ở Hán Dương, ...”, “danh hiệu 500 La Hán, thực tế là sự sáng tạo của người Trung Quốc, tuy có căn cứ vào kinh Phật” (Lời nói đầu).

Trong số 500 La Hán, Tôn giả A Nhã Kiều Trần Như là La Hán đầu tiên, ở vị trí số một. Ngài là một trong 5 người đã đi theo Tất Đạt Đa tu hành từ buổi đầu, trở thành đệ tử sớm nhất của Thích Ca Mâu Ni. Tượng Ngài có dáng béo tốt, thần thái trầm tĩnh khoan thai, biểu hiện là một vị uyên thâm giáo lý của Phật và có niềm tin kiên định.

Tôn giả thứ 500 là Nguyễn Sự Chúng, xuất phát từ giáo lý của Phật “nguyện giữ đức hạnh”. Ngài qua vô số kiếp, tu hành tại vô số Phật, công đức viên mãn và phát nguyện: không bao giờ dờn bỏ thế gian, mãi ở với chúng sinh chưa được giải thoát.

Cũng theo sách “Ngũ Bách La Hán”, trong “Lời kết” của tác giả sách, 500 vị La Hán là sự tượng trưng cho lực lượng đem lại may mắn cho cuộc sống, có thể chia làm 3 loại:

1 – Họ là những nhân vật có thật trong lịch sử, xuất hiện trong thời kỳ Thích Ca khai sáng đạo Phật

và ở các đời sau. Đó là các đệ tử của Phật như: A Nan, Phổ Hiền,... ; là La Hâu La – con của Thích Ca (Tôn giả Cù Túc Nghi); là vua nước Ma Kiệt Đà ở Trung Ấn (Tôn giả Đề Đa Ca), vua nước tây Ấn Độ (Tôn giả Vương Trụ Đạo) Vua A Dục (Tôn giả Vô Ưu Nhân),...; là con của Vua Trung Ấn (Tôn giả Sư Tử Kỳ Khưu) là các thiên sư ở các đời Tam Quốc, đời Đường (có nhiều nhất) ... (Tôn giả Vô Nghiệp Túc Tận); là cư sỹ, kẻ sỹ (Tôn giả Thiện Đức, Tôn giả Hành Kinh Đoan),...

2 - Họ là các nhân vật hư cấu trong tôn giáo, trong truyền thuyết, là thiên thần sinh ra từ nhiều kiếp trong thế gian khác nhau. Những nhân vật này, được xây dựng một cách huyền bí, biến hoá khôn lường. Thí dụ: Tôn giả thiên thần là: Ly Cấu, Đại Lực, ... Tôn giả là người sáng tạo thế giới (Đức Tự Tại). Tôn giả là thân đời trước của Phật Thích Ca (Phúc Đức Thủ và Tu Thiện Nghiệp). Tôn giả là Phật đời Vị lai (Kim Cương Minh), ... Số Tôn giả này gồm La Hán, Bồ Tát, thậm chí có cả Phật.

3 Một số Tôn giả là danh hiệu được xuất phát từ các thuật từ Phật học có những nghĩa lý sâu xa, có tầm quan trọng lớn trong học thuyết và được tôn sùng. Mỗi một giáo nghĩa có thể được thể hiện qua hình

tượng nhân vật. Đó là Tôn giả Trí Tuệ Hải nghĩa là trí tuệ Bồ Tát như biển lớn. Tôn giả Kiên Thông Tinh Tiến được gọi theo đức hạnh. Nhiều Tôn giả dựa vào đức hạnh mà có tên.

Trong số 500 La Hán có La Hán là Sư tử Hùng Ưc (Tôn giả Sư Tử Ức), có La Hán là con gái của cây Am La (Tôn giả Am La Mãn), có La Hán kiếp trước là con chó (Tôn giả Cù Sa Tỳ Khư). Lại có La Hán tu hành thời gian dài nhất (Tôn giả Bất Trước Thế Gian). La Hán nhiều tuổi nhất là 120 tuổi (Tôn giả Tu Bát Đà La). La Hán nằm trong thai mẹ 60 năm (Tôn giả Ba Xà Đề Bà). Có La Hán là một loài cây phát ra hương rất thơm (Tôn giả Chiên Đàn Tạng). Có La Hán tẩy dịch trong ruột (Tôn giả Nghị Tẩy Tràng). Còn có La Hán đã 50 tuổi vẫn không nói, không đi, đến khi gặp Phật Đà Nan Đề mới nói và đi được, rồi xuất gia thụ giới (Tôn giả Phục Đà Mật Đa), ...

Điều đó thể hiện sự phong phú, sinh động và đa dạng về lai lịch 500 vị La Hán ở Trung Quốc.

XIII – GIẾNG NGỌC LÀ GIẾNG LỚN NHẤT VIỆT NAM

Từ toà Tam Thế đi xuống phía Nam 800m, đến gần dưới chân núi Bái Đính là giếng Ngọc.

Giếng Ngọc mới được xây dựng lại ở chỗ giếng Ngọc nhỏ đã có cách đây gần 1.000 năm. Giếng Ngọc của chùa Bái Đính cũ nằm gần chân núi Bái Đính mà cách đây gần 1.000 năm thiền sư Nguyễn Minh Không đã lấy nước để sắc thuốc chữa bệnh cho dân.

Tương truyền, đây là giếng nước do thiền sư Nguyễn Minh Không được thần linh báo mộng ban cho chùa ở chân núi nguồn nước quý.

Giếng xây lại hình mặt nguyệt, rất rộng, có đường kính gần 30m, độ sâu của nước là 6m. Miệng giếng xây lan can đá. Khu đất xung quanh giếng hình vuông, có diện tích 6.000m², 4 góc là 4 lầu bát giác. Muốn xuống giếng phải qua một cổng đá đẹp. Sân giếng lát đá, xung quanh sân có các bồn cây toả bóng mát.

Điều kỳ lạ của giếng Ngọc là, từ xa xưa chỉ là một giếng đất nhỏ không bao giờ cạn nước. Nước giếng trong vắt, xanh mát quanh năm, uống vào thấy khoan khoái dễ chịu. Nước giếng được dùng làm nước

cúng lễ ở chùa trước đây và ngày nay. Bây giờ xây dựng lại, giếng rộng đến như thế, nhưng nước lúc nào cũng trong và nhiều, mặc dù đất ở đây cao hơn mặt ruộng. Công trường xây dựng chùa Bái Đính, hàng ngày có trên 400 người lao động đều dùng nước ở giếng Ngọc để sinh hoạt, nấu ăn, tắm giặt và trộn vữa bê tông, khối lượng nước sử dụng bơm lên bể rất nhiều, nhưng nước trong giếng lúc nào cũng đầy, không bao giờ cạn. Người ta gọi là “giếng thần”, “mắt rồng”.

Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đã cấp bằng “Xác nhận kỷ lục”: “*Ngôi chùa có giếng lớn nhất Việt Nam*”, ngày 12 tháng 12 năm 2007.

*

*

*

Trong giai đoạn I, nằm trên diện tích 50ha, khu chùa Bái Đính đã, đang và sẽ xây dựng 13 công trình trên. Đến giai đoạn II, khu chùa Bái Đính mở rộng hết diện tích 700ha, sẽ xây dựng thêm các công trình: khu thờ Mẫu, khu thờ Tổ, khu tháp mộ sư, khu nhà tăng thiền viện, khu nhà khách, khu bảo tàng Phật giáo Việt Nam, ...

Có thể nói, khu chùa Bái Đính sắp tới đây sẽ hoàn chỉnh là một khu chùa có quy mô hoành tráng, to lớn, đầy đủ và đẹp đẽ nhất từ trước cho đến nay ở đất nước ta.

*

*

*

Ngày nay, khi đến chùa Bái Đính, mọi người đi vào một không gian yên tĩnh, nơi có chùa ở núi Bái Đính và khu chùa mới hoành tráng, đồ sộ nhất nước nằm gần núi Bái Đính, có nhiều cây cổ thụ râm mát, tươi xanh, nghe tiếng chuông ngân nga, tiếng mõ ầm ập, những âm điệu của lời kinh, tiếng kệ, trầm bổng như vỗ về êm nhẹ. Tất cả những giai điệu ấy làm cho ta lắng dịu tâm hồn, tan đi những tư dục, những cuồng vọng, lo âu phiền muộn, khiến ta chỉ muốn làm những điều thánh thiện.

Chùa Bái Đính khẳng định tâm thức dân gian, thể hiện văn hoá dân tộc gắn với sự tích thiền sư Nguyễn Minh Không sống cách đây gần 1.000 năm, một thiền sư giỏi nhất được ban hiệu Quốc sư, một lương y giỏi nhất đã chữa khỏi bệnh cho Vua Lý Thần Tông, một người đã sáng lập ra chùa Bái Đính ở núi Bái Đính và ươm trồng một vườn thuốc quý

hiếm để chữa bệnh cứu người, một ông Tổ của nghề đúc đồng Việt Nam.

Chùa Bái Đính là sự kết hợp hài hoà giữa cũ và mới, giữa xưa và nay, giữa cổ điển và hiện đại về các mặt, đặc biệt là về kiến trúc và nét văn hoá độc đáo.

Chùa Bái Đính cung cấp cho chúng ta một kiểu dáng nghệ thuật kiến trúc hoành tráng, to lớn, trải rộng trong một không gian từ thấp lên cao.

Chùa Bái Đính thể hiện những tài năng lao động khéo léo và trí tuệ sáng tạo, tưởng tượng phong phú của con người kết hợp với phương tiện, kỹ thuật và máy móc hiện đại ở thế kỷ XXI.

Chùa Bái Đính chính là nơi hội tụ các nhân tài đất Việt, mang tính chuẩn mực hệ thống và tổng hợp, gắn bó hữu cơ trên nhiều lĩnh vực như: triết học, Phật học, lịch sử, văn hoá, du lịch, thiết kế, thi công, kiến trúc, xây dựng, điêu khắc, hội hoạ, giao thông, sinh vật cảnh, thư pháp, nghề mộc, nghề chạm khắc đá, nghề chạm khắc gỗ, nghề đúc chuông đồng, nghề đúc tượng đồng, nghề thêu đồng, nghề dát vàng, nghề sơn son thếp vàng, ... kể cả kinh tế, vật lực. Có thể nói, nhiều người thợ tài hoa trong cả nước đã tham gia xây dựng chùa Bái Đính và để làm nên những công trình và những sản phẩm to lớn, đẹp đẽ.

Chùa Bái Đính là sự kết hợp hài hoà giữa con người và thiên nhiên. Thiên nhiên ở đây hiền hoà, cảnh vật rất thanh tĩnh.

Chùa Bái Đính góp phần làm nên sự tôn nghiêm, tâm linh của Phật giáo, thoả mãn nhu cầu đời sống tâm linh của con người.

Chùa Bái Đính là một nét đẹp văn hoá lớn, mang tính dân tộc cao, là niềm tự hào của cán bộ và nhân dân tỉnh Ninh Bình nói riêng và nhân dân cả nước nói chung. Đó là những tác phẩm nghệ thuật hiện đại đã hoà nhập với thiên nhiên, do thiên nhiên và con người tạo dựng, mãi mãi là nơi để con người đến cầu mong thành đạt, làm tài, nhiều lộc, làm được nhiều điều thiện, “*tốt đời, đẹp đạo*”.

Được sự quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ của Chính phủ, Tỉnh uỷ, HĐND và UBND tỉnh Ninh Bình, chùa Bái Đính đã khánh thành giai đoạn I vào ngày 17 tháng 5 năm 2008, được coi là công trình chào mừng Đại lễ Phật Đản Liên Hiệp quốc năm 2008 tổ chức tại Việt Nam.

Chùa Bái Đính được chọn làm một trong ba địa điểm (chùa Bái Đính, Vịnh Hạ Long và chùa Yên Tử) tham quan cho các đoàn khách trong và ngoài nước về tham dự Đại lễ VASAK 2008.

Trong tương lai không xa, chùa Bái Đính sẽ trở thành Khu Văn hoá tâm linh lớn nhất Việt Nam. Cùng với Cố đô Hoa Lư lịch sử, nó tích tụ hồn thiêng sông núi ngàn năm của Ninh Bình, của dân tộc.

*

*

*

Thăm chùa Bái Đính mới xây dựng xong, du khách đi theo đường bên phải toà Tam Thế vài trăm mét sẽ đến thăm chùa Bái Đính cổ ở trên núi Bái Đính có cách ngày nay gần 1000 năm do thiền sư Nguyễn Minh Không tạo dựng.

THIỀN SƯ NGUYỄN MINH KHÔNG

(1066– 1141)

- NGƯỜI LẬP CHÙA TRÊN NÚI BÀI ĐÍNH

Minh Không là pháp danh, tên tự của ông là Nguyễn Chí Thành (người có ý chí, nghị lực sẽ thành đạt trong cuộc đời), sinh năm 1066⁽¹⁾, đời Vua Lý Thánh Tông (1054 – 1072), quê ở Đàm Xá, phủ Trường Yên (nay là xã Gia Thắng và Gia Tiến, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình).

Năm 11 tuổi, Nguyễn Chí Thành xuất gia, thụ giáo đạo Phật với Từ Đạo Hạnh (? - 1116) người làng Yên Lãng (làng Láng, nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội). Đầu tiên ông đi tu ở chùa Vân Mộng, rồi chuyển sang chùa Keo ở làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định ngày nay. Sau đó ông trở thành bậc cao tăng nổi tiếng thời bấy

⁽¹⁾ - Sách "Đại Nam nhất thống chí" - Tập III - NXB KHXH - Hà Nội - 1971 - trang 259, có ghi: "Đến năm Đại Định thứ 2 (1141) triều Lý Anh Tông, nhà sư (Nguyễn Minh Không) mất, hưởng thọ 76 tuổi". Như thế ông phải sinh năm 1066.

giờ. Trở thành nhà tu hành, với pháp danh Minh Không nên gọi là Nguyễn Minh Không, ông lập ra nhiều chùa và trụ trì ở nhiều chùa. Một số chùa do ông sáng lập như: chùa Cổ Lễ thuộc thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định; chùa Quỳnh Lâm (xã Tràng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh); chùa Am Tiên ở xã Trường Yên, huyện Hoa Lư; chùa Bái Đính ở xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, ... Ông còn trụ trì ở nhiều chùa như: chùa Keo (xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định); chùa Keo (xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình); chùa Quỳnh Lâm (xã Tràng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh); chùa Phả Lại (ở bờ sông Lục Đầu, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương ngày nay),...

Truyền rằng, Nguyễn Minh Không theo học thầy Từ Đạo Hạnh là bậc cao tăng nổi tiếng thời bấy giờ.

Sách “Đại Việt sử ký toàn thư” có ghi:

“Nhâm Thìn (Hội Tường Đại Khánh), năm thứ ba (1112) ... bấy giờ vua (Lý Nhân Tông) tuổi đã nhiều mà chưa có con trai nối dõi, xuống chiếu chọn con của tông thất để lập làm con nối. Em vua là Sùng Hiền hầu (không rõ tên) cũng chưa có con trai. Gặp lúc nhà sư núi Thạch Thất (tức núi Sài Sơn, thuộc huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây) là Từ Đạo Hạnh đến

chơi nhà, hầu nói (với Đạo Hạnh) về việc cầu tự. Đạo Hạnh dặn rằng: “Bao giờ phu nhân sắp đến ngày sinh thì báo cho tôi biết trước để cầu khẩn với sơn thần. Ba năm sau phu nhân có mang sinh ra Dương Hoán”⁽¹⁾.

Như thế đúng ba năm sau, năm 1116 vào mùa hạ, phu nhân Sùng Hiền hầu đã sinh ra Dương Hoán theo lời dặn của Từ Đạo Hạnh..

Lúc phu nhân Sùng Hiền hầu sinh ra Dương Hoán, cũng là lúc thiền sư Từ Đạo Hạnh qua đời. Vì vậy, truyền thuyết cho rằng Vua Lý Thần Tông chính là kiếp sau của Từ Đạo Hạnh.

Trước khi thiền sư Từ Đạo Hạnh mất ở chùa Phật Tích bên sườn núi Phật Tích (xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh ngày nay) ông có gọi Nguyễn Minh Không đến và dặn rằng: “Sau này thầy ở ngôi vua, khó trốn được nợ trần, khi đó cần đệ tử cứu chữa”. Sách “Đại Việt sử ký toàn thư” cũng có ghi lại điều đó: “(tục truyền khi nhà sư Từ Đạo Hạnh sắp trút xác, trong khi ốm đem thuốc niệm thần chú rồi giao cho học trò là Nguyễn Chí Thành tức Nguyễn Minh Không, dặn rằng 20 năm sau nếu thấy quốc Vương bị bệnh lạ thì đến chữa ngay, có lẽ là việc này)”⁽²⁾.

⁽¹⁾ - “Đại Việt sử ký toàn thư” (Sđd) - Trang 286.

⁽²⁾ “Đại Việt sử ký toàn thư” (Sđd) - Trang 308 và 309.

Đầu năm 1118 vào ngày 12 tháng 2 (âm lịch), Nguyễn Minh Không đến ở chùa Tống Xá thuộc xã Yên Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, thời ấy gọi là chùa Đường Leo (vì chùa ở xứ đường Leo), và đã đặt tên cho chùa là Cổ Liêu Tự. Ông ở đây bảy tháng. Đến ngày 12 tháng 9 (âm lịch) năm đó ông ra đi. Trong thời gian ở chùa Cổ Liêu Tự, ông đã đi thăm các cánh đồng của làng Tống Xá. Thấy ở phía đông bắc có một khu ruộng rộng khoảng vài ba mẫu, có loại đất sét rất tốt, có thể dùng làm khuôn đúc được, ông cho dân làng đào một hố sâu ở ruộng lấy đất sét đem về để làm khuôn đúc. Ông dạy cho người dân ở đây làm khuôn đúc gang làm lưỡi cày và đúc đồng, đồng thời hướng dẫn cho họ nghề đúc đồng. Từ đó cánh đồng có hố đào lấy đất sét được gọi là cánh đồng Hố. Đến thời Lê, có bắc một cái cầu tại đó, nên từ thời ấy đến nay gọi là cánh đồng Cầu Hố. (Hiện nay tên gọi này nhân dân thôn Tống Xá vẫn dùng).

Như thế từ năm 1118 Nguyễn Minh Không đã dạy cho người dân làng Tống Xá nghề đúc đồng.

Ở thôn Tống Xá, xã Yên Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày nay vẫn còn đền thờ ông Tổ của nghề đúc đồng Việt Nam là Nguyễn Minh Không, gọi là đền “Đúc Thánh Tổ”, được xây dựng từ thời Lý.

Ngoài ra, ở Ngũ Xá (Hà Nội), Đê Kiều (Hà Bắc cũ) và các nơi đúc đồng ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế, miền tây nam Nam Bộ cũng đều có đền thờ thiền sư Nguyễn Minh Không là ông Tổ nghề đúc đồng.

Khoảng năm 1121, Nguyễn Minh Không đã về quê Đàm Xá xây dựng một ngôi chùa nhỏ thờ Phật, gọi là Viên Quang (Viên Quang Tự). Chùa nằm trên khu đất ngày nay là nhà Vọng lâu ở trước cửa đền Nguyễn Minh Không, gọi là đền “Đức Thánh Nguyễn” tại xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn. Tương truyền, Nguyễn Minh Không đã đúc quả chuông nặng trên một tấn treo ở Viên Quang Tự.

Khi trụ trì ở chùa Quỳnh Lâm thuộc xã Tràng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Minh Không có đúc một pho tượng Di Lặc bằng đồng cao 6 trượng, được coi là một trong “*An Nam tứ đại khí*” (bốn báu vật lớn của Việt Nam)⁽¹⁾. Điều

⁽¹⁾ - Có người viết: Nguyễn Minh Không là người đúc “*Tứ đại khí*”, gồm: tượng Phật Di Lặc chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh), chuông Quy Điền (Hà Nội), tháp Báo Thiên (Hà Nội), vạc chùa Phổ Minh (Nam Định). Theo tôi, ông chỉ đúc có một pho tượng Phật Di Lặc ở chùa Quỳnh Lâm, vì bốn báu vật lớn này được đúc ở bốn thời kỳ khác nhau, không phải đúc cùng một lúc ở đời Nguyễn Minh Không. Còn truyện Nguyễn Minh Không đi sang nước Tống (Trung Quốc) xin đồng, Vua Tống cho vào 10 kho lấy đồng vẫn chưa đầy túi, khi về nước lấy nón Tu Lờ làm thuyền để túi đồng, lấy gậy Tầm Xích làm sào chỉ là một huyền thoại. Không thể căn cứ vào đó mà bảo ông đúc cả “*Tứ đại khí*” được.

này đã được “Đại Nam nhất thống chí” ghi: “Chùa Quỳnh Lâm, xã Hạ Lôi (xã Trảng An), huyện Đông Triều, do Thiền sư triều Lý là Nguyễn Minh Không lập, đúc tượng đồng trong chùa”⁽¹⁾.

Ông còn cổ đạo học uyên bác. Sách “Đại Việt sử ký toàn thư” có ghi: “Quốc sư Minh Không ... rất

Tứ Đại khí gồm:

- Tượng Phật Di Lặc ở chùa Quỳnh Lâm. Chùa ở núi Quỳnh Lâm (Quảng Ninh). Chùa có từ thời Lý.

- Tháp Báo Thiên: chính tên là tháp Đại Thắng Tư Thiên, xây dựng năm Đinh Dậu niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ tư (1057) đời Vua Lý Thánh Tông. Tháp dựng trong khu vực chùa Sùng Khánh Báo Thiên ở phường Báo Thiên (Thăng Long). Tháp cao vài mươi trượng, xây theo kiểu tháp 12 tầng (theo “ĐVSKTT” (Sdd) - Trang 272), tầng trên cùng có chóp làm bằng đồng, tương truyền do thiền sư Không Lộ vẽ kiểu và trông coi việc đúc đồng. Thời quân Minh xâm lược nước ta năm 1427 nghĩa quân của Lê Lợi bao vây Đông Đô, Vương Thông sai phá tháp để chế súng đá làm kế giữ thành.

- Chuông Quy Điền: Đời Lý Nhân Tông, năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ năm (1080) vua cho đúc chuông lớn để treo ở chùa Diêu Hiếu (kéo dài tuổi thọ), tức chùa Một Cột ở Thăng Long. Chuông đúc xong đánh lên không kêu, vua cho rằng nó đã thành khí, không nên tiêu hủy, bèn đem bỏ ở ruộng rùa gần bên chùa. Ruộng thấp ướt có nhiều rùa nên gọi là ruộng rùa (quy điền)(theo “ĐVSKTT” (Sdd) - Trang 280, 281). Vương Thông phá chuông này để đúc súng đạn.

- Vạc (đỉnh) Phổ Minh: Chùa Phổ Minh ở xã Tức Mặc, nay là xã Lộc Vương, ngoại thành Nam Định. Chùa xây dựng từ thời Lý. ở chùa có chiếc đỉnh lớn bằng đồng do thiền sư Không Lộ chủ trì đúc tạo. Vương Thông cho phá đỉnh để làm súng đạn. '

(1) - “Đại Nam nhất thống chí” (Sdd) - Trang 413

linh ứng, phạm khi có tai ương hạn lụt, cầu đảo đều nghiệm cả”⁽¹⁾.

Nguyễn Minh Không rất thông hiểu đạo Phật. Ông còn là một danh y thiên tài, người đời cho rằng ông được trời ban cho “*Thiên y thư*” (sách thuốc của trời). Ông đi nhiều nơi để tìm cây thuốc, cho uơm trồng các vườn thuốc để lấy thuốc chữa bệnh cứu nhiều người.

*

* *

Năm 1117, Lý Dương Hoán⁽²⁾ mới 2 tuổi đã được Vua Lý Nhân Tông lập làm Thái tử. Năm 1127, Vua Lý Nhân Tông mất, Thái tử Dương Hoán 12 tuổi lên ngôi là Vua Lý Thần Tông (1128 - 1138). Điều đó đã xảy ra đúng như lời của Từ Đạo Hạnh dặn Nguyễn Minh Không, 20 năm sau Từ Đạo Hạnh mất, đến năm Bính Thìn 1136, Vua Lý Thần Tông mắc bệnh nặng, toàn thân mọc đầy lông trông rất kinh sợ. Sách “*Đại Nam nhất thống chí*” viết: “*Lý Thần Tông mắc*

⁽¹⁾ - “*Đại Việt sử ký toàn thư*” - NXB KHXH - tập 1 - 1998 - Trang 314.

⁽²⁾ - Vua Lý Nhân Tông (1072 – 1128) là con trưởng của Vua Lý Thánh Tông, mẹ là bà Nguyên phi Ý Lan. Ông không có con trai nên phải lập Lý Dương Hoán là con của em trai mình là Sùng Hiến Hầu làm Thái tử.

bệnh, hoá thành hình cọp"⁽¹⁾. Triều đình truyền cho các danh y trong cả nước về triều để chữa căn bệnh đó cho vua. Tất cả các danh y thiên tài đều chịu bó tay. Bỗng nhiên trong dân gian lúc bấy giờ lưu hành câu hát đồng dao:

"Dục y lý cứu trùng

Tu cầu Nguyễn Minh Không"

(Muốn chữa bệnh cho vua

Nên cầu Nguyễn Minh Không)

Thế rồi, trẻ nhỏ trong các thôn xóm cũng hát:

"Tập tâm vòng, tập tâm vòng,

Có ông Nguyễn Minh Không

Cứu được bệnh Hoàng Thái tử"

Những câu hát đó được các cận thần tâu trình lên. Triều đình liền cho vời Nguyễn Minh Không vào triều chữa bệnh cho vua.

Tương truyền, trước tiên Nguyễn Minh Không nói chuyện nhân quả cho vua hiểu. Sau đó sai nấu một vạc dầu cho sôi nóng rồi lấy tay vốc dầu vẩy vào khắp người vua. Dĩ nhiên trong vạc dầu, Nguyễn Minh Không phải cho vào đó một số thuốc đặc dụng (dân

⁽¹⁾ - "Đại Nam nhất thống chí" - tập III - NXB KHXH - Hà Nội - 1971 - Trang 259.

gian gọi là dùng lá Mộc Hoàn), vẩy đi vẩy lại nhiều lần, vừa vẩy dầu, vừa dùng tay xoa bóp, làm cho lông trên người vua rụng hết.

Vua Lý Thần Tông khỏi bệnh, ban thưởng vàng bạc cho Nguyễn Minh Không rất nhiều. Ông dùng số vàng bạc đó tu sửa nhiều chùa, đúc tượng Di Lặc bằng đồng ở chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh) và đúc chuông ở một số chùa khác nữa⁽¹⁾.

Chính vì vậy, sách *“Đại Việt sử ký toàn thư”* có ghi: *“Vua bệnh nặng, chữa thuốc không khỏi. Nhà sư Minh Không chữa khỏi, phong làm Quốc sư”*⁽²⁾. Từ đó Ngài được gọi là Lý Quốc sư (Quốc sư có nghĩa là bậc thầy về đạo Phật cho nước).

“Đại Việt sử ký toàn thư” còn ghi: Vua Lý Thần Tông *“Tha thuế dịch cho vài trăm hộ”*⁽³⁾, nghĩa là cho Nguyễn Minh Không một số làng xã gồm có vài trăm gia đình để ông được lấy tô thuế mà ăn lộc và được có người phục vụ công việc ở chùa mình tu. Vài trăm hộ ấy không phải đóng tô thuế và cùng sưu dịch cho triều đình nữa.

⁽¹⁾ - Có sách nói Nguyễn Minh Không đúc chuông chùa Phả Lại. Nhưng sách *Đại Nam Nhất thống chí, tập III (Sđd), trang 110* lại viết: *“Chùa Phả Lại, huyện Quế Dương, trông xuống Lục Đầu giang, tương truyền là nơi trụ trì của thiền sư Không Lộ, nhà sư có đúc một quả chuông lớn, sau rơi chìm ở sông Lục Đầu”*

⁽²⁾⁽³⁾ - *“Đại Việt sử ký toàn thư” (sdd) - trang 308.*

Nguyễn Minh Không mất vào tháng 8, mùa thu, năm Tân Dậu, niên hiệu Đại Định thứ hai (1141), thọ 76 tuổi.. “Đại Việt sử ký toàn thư” ghi “mùa thu tháng 8, Quốc sư Minh Không chết (sư người xã Đàm Xá, huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên) ... Nay hai chùa Giao Thủy và Phả Lại đều có tượng thờ”⁽¹⁾.

Sau khi ngài mất, Vua Lý Anh Tông (1138 – 1175) cho lập đền thờ ngài ở Kinh đô, ngày nay là đền Lý Quốc sư (Hà Nội)⁽²⁾.

⁽¹⁾ - “Đại Việt sử ký toàn thư (sdd) - trang 314.

⁽²⁾ - Hiện nay, có người cho rằng Không Lộ thiền sư và sư Giác Hải đều là Nguyễn Minh Không, hoặc cho là Nguyễn Minh Không cải lại là Không Lộ thiền sư. Theo truyền thuyết và thần phả ở chùa Keo làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định thì thiền sư Không Lộ sinh năm 1016, mất năm 1094, quê ở làng Giao Thủy, phủ Hải Thanh (đời Nguyễn đổi thành phủ Xuân Trường), ban đầu làm nghề đánh cá, sau tu tại chùa Nghiêm Quang. Còn sư Giác Hải trụ trì ở chùa Nghĩa Xá, xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Trong cuốn “Thiền uyển tập anh ngữ lục” cho biết: “sư họ Nguyễn quê ở Hải Thanh, lúc trẻ tuổi, sư làm nghề đánh cá, 25 tuổi sư bỏ nghề đánh cá, cắt tóc đi tu, cùng thiền sư Không Lộ đến thụ nghiệp thiền sư Hạ Trạch”. Theo Nguyễn Tử Mẫn trong “Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên” (NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội - 2001 - trang 170), ông sinh khoảng năm Thái Ninh triều Lý, tức đời Vua Lý Nhân Tông (1072 - 1128). Vua Lý Nhân Tông đã có thơ khen sư Giác Hải. Vì vậy, chưa có căn cứ nói Nguyễn Minh Không, Không Lộ thiền sư và sư Giác Hải là Nguyễn Minh Không. Ngay Nguyễn Tử Mẫn viết trong “Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên” (sdd) - trang 173, cũng chưa khẳng định: “nay khảo xét thấy rằng trong sự tích Giác Hải và Minh Không có nhiều điểm giống nhau, ... Tuy nhiên không có lời văn nào dẫn chứng, do vậy cứ giữ như cũ” (tức là hai người riêng biệt).

Ngài còn được thờ ở hàng trăm đền trong cả nước, tính riêng tỉnh Ninh Bình cũng có mấy chục đền thờ. ở quê của ngài, tại xã Gia Thắng, Gia Tiến đã xây dựng đền thờ Nguyễn Minh Không, còn gọi là đền Đức Thánh Nguyễn, có bốn tòa làm theo kiểu “*tiền nhất, hậu công*”. Trước đền, bên hồi của vọng lâu có cây đèn đá, cao hơn 1m, là biểu tượng cái đèn của Nguyễn Minh Không ngày xưa dùng thắp sáng để ngồi thiền định. Huyền thoại kể rằng, cây đèn tự nhiên mọc lên. Nguyễn Minh Không thường đêm đêm ngồi bên cây đèn. Các loài chim, loài thú về chầu xung quanh, ánh sáng cây đèn chiếu bao la trên không trung, chiếu sáng đến chín tầng mây. Chính vì thế, nhân dân tôn hiệu ông là Minh Không.

Ngày nay, có nhiều nơi thờ Nguyễn Minh Không, nhưng có ba nơi thờ lớn là: chùa Keo (Vũ Thư, Thái Bình), chùa Keo (Giao Thủy cũ nay là Xuân Trường, Nam Định) và chùa Phả Lại (Chí Linh, Hải Dương).

Nhiều chùa đã chép và in trên các kinh sách bài thơ:

*“Trượng súc Tây thiên lộ
Nang thu Bắc địa đồng
Tĩnh danh như dục vấn
Giao Thủy Nguyễn Minh Không”*

(Gây rút trời Tây nẻo
Túi thu đất Bắc đồng
Họ tên ai muốn hỏi
Giao Thuỷ Nguyễn Minh Không)
Ngài được tôn là bậc Thánh. Tục ngữ có câu:

*“Đại Hữu sinh Vương
Điền Giang sinh Thánh”*

(Có nghĩa: Làng Đại Hữu sinh Vua (Vua Đinh Tiên Hoàng)

Làng Điền Giang (Điền Xá) sinh Thánh (thiền sư Nguyễn Minh Không)

Hoặc:

*“Hoa Lư dục tử xuất Đinh Hoàng
Điền Xá chung linh sinh Nguyễn Thánh”*

(Đất Hoa Lư tốt đẹp có Vua Đinh

Làng Điền Xá gây thiêng sinh Thánh Nguyễn)

Bên Đạo giáo còn suy tôn Ngài là một trong ba vị Thánh Tổ Việt Nam “Việt Nam Tam Thánh Tổ”.

Đến thời Lê Trịnh, Đặng Thoát Hiên có thơ vịnh Nguyễn Minh Không:

*Triều Tống cung trung dục hiếu hoàng,
Thái bình Thiên tử dục quang xương*

*Trung niên bất hạnh tao kỳ tật,
Lai hữu Minh Không được vị lương*
(Trong cung nhà Tống nuôi vua hiếu
Thiên tử sáng sửa vẽ khôi ngô
Chẳng may trung niên bị tật lạ
Nhờ được Minh Không cho thuốc hay)

*

* *

Để chữa bệnh cứu người, Nguyễn Minh Không đã đến khu vực núi Bái Đính ở thôn Sinh Dược, xã Gia Sinh tìm cây thuốc. Vì vậy, hiện nay ở xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn còn lưu truyền nhiều truyền thuyết và những di tích về Nguyễn Minh Không.

Hai ngọn núi Hàm Rồng và Hàn Cay, huyền thoại kể rằng, đó là hai ngọn núi ở trong Đồng Bài thuộc khu vực núi Văn, núi Võ, Nguyễn Minh Không định gánh đem về quê Gia Thắng, nhưng khi đi qua sông, không thấy rồng hiện lên để bước qua, nên ông để ở bên bờ sông thành hai ngọn núi này. Hiện nay ở núi Hàm Rồng có đền thờ Nguyễn Minh Không.

Đặc biệt, di tích “*Ba Rau, Dầu Núc*” ở Sinh

Được gắn liền với những huyền thoại rất độc đáo về Nguyễn Minh Không.

Tương truyền, Nguyễn Minh Không đi nhiều nơi tìm cây thuốc để chữa bệnh cho dân. Một lần ông qua sông Hoàng Long, sang vùng đồi núi Sinh Dược để tìm dược liệu làm thuốc. Khi đến đây, ông đã phát hiện ra một thung lũng rộng ở phía nam núi Bái Đính có nhiều cây thuốc quý. Ông đã chăm sóc và trồng thêm nhiều cây thuốc nữa, thung lũng biến thành vườn thuốc của ông. Ông cũng đã lập ra chùa Bái Đính ở động Sáng từ đó. Khi ở đây, đi kiếm củi, thấy có ba quả đồi đứng gần nhau như ba ông đồ rau nằm gần núi Bái Đính, ông dùng luôn ba quả đồi đó để đặt nồi sao thuốc, sắc thuốc, nấu nước, thổi cơm. Từ đó ba quả đồi được gọi là đồi Ba Rau. Gần đấy, lại có một quả đồi nhỏ có dáng hình hộp chữ nhật, Nguyễn Minh Không dùng làm nơi rấm bếp giữ lửa, nên gọi là đồi Đầu Núc hay đồi ông Đầu Núc. Hôm đồi phía tây đồi Ba Rau ông dùng làm nơi đun lửa, gọi là Xó Bếp.

Tất cả những di tích núi đá, đồi và ruộng đất ở đây đều gắn liền với Nguyễn Minh Không. Đúng là mỗi ngọn núi, mỗi quả đồi, mỗi cánh đồng đều là một huyền thoại lý thú và hấp dẫn. Dù trải qua gần

1.000 năm, chịu mưa nắng của đất trời khắc nghiệt, các ngọn núi, quả đồi đó vẫn đang đứng “trơ gan cùng tuế nguyệt”, vẫn giữ nguyên các tên gọi như đã có từ thế kỷ XI, chính là một phần còn lại ghi nhận thiền sư Nguyễn Minh Không đã từng sống ở đây.

Huyền thoại còn kể rằng, ông đi sang nước Tống (Trung Quốc) khuyên giáo đồng để về đúc chuông, đúc tượng. Trước khi đi, ông may một cái túi chỉ đựng được khoảng 30 đấu thóc. Ông ra đi khoác cái túi đó bên người và đem theo cái nón Tu Lờ cùng chiếc gậy Tâm Xích. Đến nước Tống, vào châu Vua Tống, ông nói: “Nước Đại Cồ Việt của bản tăng có ít đồng, mà chùa thì được xây dựng nhiều, không đủ đồng để đúc chuông, đúc tượng Phật, mong bề hạ mở lòng Bồ Tát cho bản tăng một số đồng đem về nước”. Vua Tống nói: “Hiền tăng đã không quản xa xôi, khó nhọc đến đây khuyên giáo đồng để về đúc chuông thờ Phật là điều tốt”. Vua Tống chỉ nghĩ, nếu ông lấy đồng đựng vào cái túi đó khoác đem về thì cũng chỉ đáng vài chục cân, nên truyền rằng: “Ta cho Thiền sư vào kho lấy được bao nhiêu thì lấy”.

Không ngờ, Nguyễn Minh Không đã có pháp thuật diệu kỳ, thần thông biến hoá, vào kho đồng lớn của nước Tống, hô một tiếng là số đồng đó ở trong

kho chui hết vào túi, nhưng chưa đầy. Vua Tống thấy vậy, rất tức giận nhưng đã truyền rồi, nên không làm gì được, thán phục tài năng siêu việt của Nguyễn Minh Không, cho rằng ông không phải là người thường.

Sau khi cảm ơn Vua Tống, ông ra về bằng đường biển. Ông ngả luôn cái nón Tu Lờ đem theo làm thuyền, để túi đồng vào và đứng trong nón, lấy gậy Tầm Xích làm sào, một lúc đã chèo về nước. Ông đem số đồng đó đúc tượng Di Lặc ở chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh) và đúc chuông ở nhiều chùa khác.

Huyền thoại về Nguyễn Minh Không còn có rất nhiều. Sách *“Đại Nam nhất thống chí”* ghi: *“(thiền sư Giác Hải) kết bạn với Nguyễn Minh Không, sang Tây Trúc (Ấn Độ) học đạo Phật”*⁽¹⁾. Sách *“Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên”* của Nguyễn Tử Mẫn cũng ghi: *“Thần (thiền sư Giác Hải) kết nghĩa với Nguyễn Minh Không, cùng sang Tây Trúc (Ấn Độ) cầu đạo”*⁽²⁾. Vì vậy, có người cho rằng Nguyễn Minh Không là một trong những người đầu tiên xuất dương sang Ấn Độ để giao lưu Văn hoá, góp phần làm cho Phật giáo nước ta ở thời Lý phát triển.

(1) - *“Đại Nam nhất thống chí” (Sdd) – Trang 259*

(2) - *“Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên” (Sdd) - Trang 170*

Nhưng cũng có sách nói, năm Nhâm Dần (1062), thiền sư Không Lộ, thiền sư Giác Hải và thiền sư Đạo Hạnh, ba người này sang Tây Trúc, không nói đến Nguyễn Minh Không.

Tài liệu liên quan đến Nguyễn Minh Không phần lớn là truyền thuyết, huyền thoại nên cũng khó xác định đâu là thực, đâu là hư và hiện nay còn chưa thống nhất Nguyễn Minh Không là một trong ba người: Nguyễn Minh Không, Không Lộ, Giác Hải. Vấn đề này còn đang nghiên cứu.

CHÙA BÁI ĐÍNH TRÊN NÚI BÁI ĐÍNH

Chùa Bái Đính thuộc thôn Sinh Dục, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình đã được nhà nước công nhận là Di tích Lịch sử – Văn hoá cấp Quốc gia, từ ngày 18 tháng 6 năm 1997.

Ninh Bình có rất nhiều động đẹp, riêng một động đã được người xưa khẳng định là:

“Nào Dịch Lộng, nào Thiên Tôn

Bàn Long, Bích Động xem còn kém đây”

Đó chính là hang động ở núi Bái Đính.

Từ Cố đô Hoa Lư ở xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, theo đường Nguyễn Văn Trỗi vào đường đi thăm chùa Bái Đính, khoảng 5km là đến núi Bái Đính.

Sách “Đại Nam nhất thống chí” có ghi:

“Núi Bái Lĩnh: ở phía tây huyện Gia Viễn, ở địa phận các xã Phúc Lai, Sinh Dục, Mộc Hoàn, Xuân Trì, Lê Xá và Khoáng Trang thuộc các huyện Phụng Hoá và Gia Viễn, một dải núi đất liền với sơn phận

Chi Phong và Trường Yên bên cạnh. Đỉnh núi có đền thần Cao Sơn”⁽¹⁾

Núi Bái Đính cao gần 200m, có diện tích khoảng 15.000m², quay hướng tây. Núi có dáng vòng cung hai bên khép lại tựa tay ngai, gọi là thế ngai vàng, hay thế “*rồng châu hổ phục*”, tạo thành một thung lũng ở dưới rộng khoảng 3ha, gọi là thung Chùa. Rất hiếm núi có dáng hình đẹp như thế.

Nhìn theo góc độ khác, núi lại giống một người khổng lồ ngồi quay lưng ra biển (phía đông) mặt nhìn về phía tây, hai chân duỗi dài về phía tây bắc và tây nam. Đỉnh núi hơi phẳng xuôi từ đông sang tây, cao nhất vùng, đứng trên đây có thể bao quát được cả một vùng rộng lớn của non nước Hoa Lư lịch sử. Kìa là núi Dục Thúy, núi Ngọc Mỹ Nhân, các dãy núi của Cố đô Hoa Lư. Đây là núi Ba Chon, núi Địch Lộng, núi Kênh Gà, ... sông Hoàng Long, sông Đáy uốn lượn như những dải lụa trắng phơi trên mặt đất. Tất cả là một bức tranh sơn thủy toàn bích, khiến du khách thấy tâm hồn thư thái hơn, phơi phới xúc cảm trước cảnh đẹp mê hồn của thiên nhiên thơ mộng.

(1) - “Đại Nam nhất thống chí” - Tập III - NXB KHXH - 1971 - Trang 238

Quả là thế núi ở đây rất đẹp. Nó đứng độc lập, hoành tráng, phong quang, tụ linh, tụ đức, thu hút được sinh lực từ trên cao xuống dưới thấp và tạo ra âm - dương đối đãi.

Núi Bái Đính còn giữ được vẻ nguyên sơ của núi rừng hoang dã, tự nhiên. Cây cối lớn nhỏ mọc xanh um trên núi. Núi luôn bao phủ một màu xanh tươi.

Nhìn xa xa trên sườn núi thấp thoáng bóng những con thú đang nhón nhơ lưng chừng núi, từng đàn dê đang ăn lá cây, những giò phong lan phô sắc giữa trời, những cây thiên tuế, vạn tuế, cây si, cây sanh,... đã sống ngàn vạn năm bên núi cao. Hoà trong cảnh vật nơi này có tiếng chim hót, cây reo. Gió thổi nhẹ, phảng phất mùi hương hoa bay tới. Du khách sẽ cảm thấy như đang đi vào miền hoang sơ mát dịu, hiền hoà của thiên nhiên nơi đây.

Nhưng điều kỳ thú hơn nữa là:

“Giữa lưng trời một cửa thiền môn

Lưng chừng núi hình thành ba động”

Đó là hang Sáng thờ Phật, liền đó một hang thờ thần Cao Sơn, đối diện là hang Tối thờ Tam toà Thánh Mẫu.

Núi Bái Đính có dáng vòng cung khép lại tựa tay ngai. Hai tay ngai đó chạy dài xuống chân núi, khoảng giữa hõm sâu lên đến gần đỉnh núi, tạo thành một lối lên chùa. Thiên nhiên đã khéo bày đặt một lối lên thoải thoải dốc ở giữa để giúp cho con người làm đường đi, gồm gần 300 bậc đá rộng 2,5m, được làm bằng đá thớt vuông thành sắc cạnh, do các thợ đá ở làng nghề đá xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư chế tác.

Lên chùa Bái Đính, du khách đi từ dưới chân núi, bước lên cao trên 100 bậc đá mới đến Tam quan chùa.

Đứng ở Tam quan nhìn xuống, du khách thấy giếng Ngọc. Vì chùa là hang động, ở trên núi cao nên không đào giếng được. Cho nên dưới chân núi đã đào giếng để tạo ra âm - dương đối đãi, trước đây là giếng đất, gọi là giếng Ngọc, không sâu nhưng lúc nào cũng đầy nước. Hiện nay giếng Ngọc đã được xây mới rộng đẹp hơn nhiều.

Từ Tam quan, du khách bước lên tiếp gần 50 bậc đá nữa, rẽ phải, đi khoảng 50m là đến nơi thờ Tổ. Vì dựa vào núi đá làm chùa, nên nơi thờ Tổ ở đây là một hốc đá ăn sâu vào sườn núi. Trong hang nhỏ này, đặt hai tượng, một tượng ở trên cao là tượng Tổ Đạt Ma, tức Đức Tổ Tây, mũi cao, tóc quăn, râu quai nón,

người Ấn Độ. Đây là vị Tổ thứ 28 (Hoàng tử thứ ba ở Nam Ấn Độ), đi tu, được thầy mình là Tổ truyền đăng thứ 27 tên là Bát Nhã Đa La trao tâm ấn và khuyên đi về phía đông để hoàng dương đạo pháp, vì lúc đó đạo Phật ở Ấn Độ bị suy tàn. Ngài tới Trung Hoa, không được Lương Võ Đế ủng hộ nên phải về chùa Thiếu Lâm ở nước Ngụy tu tham thiền, suốt ngày chỉ ngồi nhìn vào bức tường, dân gian Việt Nam gọi là thầy tu xem vách. Ngài ngó vách mà định tâm, quán tưởng mà lập ra phái Võ Thiếu Lâm. Ngài có rất nhiều đồ đệ, nổi nhất là Huệ Khải, lan toả xuống phía nam và đến Việt Nam. Vì vậy, chùa Việt Nam cũng thờ Bồ Đề Đạt Ma làm sư Tổ cho các chùa.

Lễ ở “nhà Tổ” xong, du khách quay trở ra bước lên cao gần 80 bậc đá nữa, gặp cảnh “*Núi đá, vin cây tới đỉnh chùa*” như câu thơ của Nguyễn Nghiễm (thân sinh ra Nguyễn Du) viết ở thế kỷ XVIII, là đến chùa Bái Đính. Lên đến đây, du khách đã bước qua gần 300 bậc đá. Du khách rẽ phải bước lên gần 20 bậc đá nữa là đến Tăng Xá (nhà ở và sư tiếp khách của nhà chùa), quay hướng tây bắc, gồm bảy gian quay lưng vào sườn núi. Hai đầu hồi là hai phòng rộng, mỗi phòng hai gian, là phòng ở của sư, ba gian giữa là phòng khách. Điều độc đáo ở bảy gian nhà

này là, tất cả cột, vì kèo, xà ngang, dui, mè, khung cửa, bậc cửa đều làm bằng bê tông cốt thép, không hề dùng một đoạn gỗ nào, chỉ có các song cửa sổ, các cánh cửa to nhỏ bằng gỗ và toàn bộ tường, cột, vách ngăn, trần nhà, ... đều được ốp những thanh gỗ dài mỏng sơn màu cánh gián che đi. Đây là một kiểu kiến trúc độc đáo dựng bên sườn núi đá.

Qua Tầng Xá, du khách đi thẳng là đến một cửa hang rộng. Đó là hang Sáng, là động thờ Phật.

Ngoài cửa động, dựng mái hiên, có hai cột đá vuông, cao, mặt tiền chạm khắc long vân. Trên cửa động có bốn chữ đại tự “*Minh Đỉnh Danh Lam*” (Cảnh quan nổi tiếng hình dáng như cái đỉnh có khắc văn tự). Đứng tại đây, du khách đã ở độ cao khoảng 150 m so với mặt đất. Ở Ninh Bình không có động nào có độ cao như ở hang này. Đó cũng là điều độc đáo của chùa Bái Đính. Ngay cửa hang bên phải đặt một pho tượng đồng nguyên khối là tượng Hộ Pháp (Ông Thiện – khuyến khích con người làm việc thiện), đội mũ kim khôi, mặt trắng hồng có bộ mặt hiền lành, miệng mỉm cười, tay trái giơ cao ngang vai cầm viên ngọc minh châu, tay phải để trên đùi. Phía sau tượng Ông Thiện treo một quả chuông dưới trần hang cao 1,5m, đường kính miệng 0,8m. Cũng sát

vách cửa hang bên trái đặt tượng Hộ Pháp (Ông Ác), mặt đỏ, mắt nhìn thẳng, to tạo sự kiên quyết, phần nộ trước tội ác, mặc áo giáp nhẵn nhụi nhằm chống dục vọng để cho tâm trong sáng và cương quyết như “kim cương” tay phải cầm thanh đao, chân đi giày, dáng hình rất dữ tợn. Hai tượng Hộ Pháp này đều ngồi trên con sấu là một loài vật tưởng tượng, gần giống sư tử, với chức năng bảo hộ Phật pháp nên gọi là Hộ Pháp.

Vào trong động, thấy chiều cao của động chỉ trên 2m, nhưng động lại dài 25m, rộng 15m, nền bằng phẳng lát gạch đá. Nguyễn Minh Không đã lấy động làm chùa. Đó cũng là một đặc điểm riêng của chùa ở Ninh Bình. Trên trần động không có các nhũ đá chảy xuống, mà bằng phẳng, có chỗ nhẵn lỳ như nhà mái bằng. Rất hiếm các hang động có mái phẳng và rộng đến như thế.

Tương truyền, thiền sư Nguyễn Minh Không khi đến đây tìm cây thuốc đã phát hiện ra động, từ đó biến động thành chùa thờ Phật. Như thế chùa Bái Đính đã có từ thời Lý, do Nguyễn Minh Không tạo dựng.

Vào trong hang, bên phải xây bệ thờ đặt tượng Đức Thánh Hiền bằng đồng nguyên khối, dát vàng.

Ngài còn được gọi là A Nan, người rất sáng dạ, chỉ cần nghe thuyết pháp một lần là đã thuộc lòng. Ngài là vị tổ thứ hai của Thiền Tông và là một đại thanh văn, tức là được nghe Phật giảng đạo lý nhiều nhất trong số các đệ tử của Phật. Ngài theo Phật hơn 20 năm. Khi Phật nhập Niết bàn, ngài đã đọc lại lời dạy của Phật để trở thành *"Tam tạng kinh điển"*, truyền lại cho người đời. Khuôn mặt tượng từ bi theo kiểu nhà Phật, đầu đội mũ *"tỳ lưu thất Phật"* (gồm 7 múi, mỗi múi có 1 tượng Phật). Đối diện với tượng Đức Thánh Hiền, bên trái động đặt tượng Đức Ông cũng bằng đồng nguyên khối, dát vàng. Tượng như một quan văn, mặt đỏ, râu dài, đầu đội mũ *"kim khôi"*, tai lớn, mặc áo long bào chùng, ngồi buông chân, tay để tự nhiên trên đùi. Trong quan niệm dân gian, Đức Ông kiêm nhiều chức quan trọng, đặc biệt có nhiệm vụ trông coi toàn bộ cảnh chùa, nên tượng được đặt ngoài cùng cho các Phật tử và khách hành hương xin phép Ngài trước khi vào chùa (thông thường ở các chùa, tượng Đức Ông đặt ở bên phải). Lễ Đức Ông xong mới lễ ở Thượng điện. Đức Ông vốn là ngài Cấp Cô Độc, một trưởng giả từ thiện đã cứu giúp nhiều người nghèo khổ. Được nghe Phật giảng đạo mà ông giác ngộ. Ông đưa mảnh vườn ở thành Srāvasti

dâng cho đức Phật và giáo hội. Ông được đức Phật thọ ký cho quả Bồ đề vô thượng, có trách nhiệm cai quản mọi cảnh chùa.

Lui vào trong hang, trên các bệ xây từ cao xuống thấp đặt các tượng Phật cũng được đúc bằng đồng nguyên khối, dát vàng theo thứ tự như sau:

- Hàng thứ nhất: Ba pho tượng Tam Thế đều ngồi trên toà sen (tóc xoắn, màu đen). Tượng Phật Hiện Tại ở giữa, tượng Phật Quá Khứ và tượng Phật Vị Lai ở hai bên.

- Hàng thứ hai: Tượng Thích Ca Mâu Ni.

- Hàng thứ ba: Quan Thế Âm Bồ Tát.

Các đồ thờ đặt trên các bệ thờ đều bằng đồng.

Gần cuối hang Sáng, theo ngách đá bên trái, du khách bước lên bốn bậc đá, sẽ lên một hang nữa, cao hơn, dài khoảng 25m, rộng khoảng 7m. Nền hang bằng phẳng được lát gạch. Đây là hang thờ thần Cao Sơn. Trong hang, đặt tượng Cao Sơn ngồi trên bệ, đội mũ cánh chuồn, hai tay cầm thẻ bài trước ngực. Tượng tạc bằng gỗ sơn son thếp vàng, được đặt dưới một khoảng tròn lõm nhỏ trên trần hang ở phía trên đầu tượng. Mặt tượng như nhìn thẳng xuống vườn thuốc. Tượng được đặt ở vị trí cao nhất của núi Bái Đính.

Đi ra cửa hang, du khách nhìn xuống thấy một thung rộng. Tương truyền, thung có nhiều cây thuốc quý mà Nguyễn Minh Không đã tìm ra. Đó là vườn thuốc của Nguyễn Minh Không. Sau này, nhiều lương y đã đến đây tìm các cây thuốc để chữa bệnh cứu người.

Hiện nay, đã xây các bậc đá từ cửa hang này, cao so với mặt thung khoảng 130m để du khách bước xuống thung xem vườn thuốc của Nguyễn Minh Không.

Du khách bước xuống 76 bậc đá ngoằn ngoèo bên trái là tới một ngôi đền, kiến trúc theo kiểu chữ “Đình” (Hán tự), thờ thần Cao Sơn. Tiền đường ba gian. Hậu cung hai gian dọc ngắn. Vì kèo, xà ngang, xà dọc đều bằng gỗ tứ thiết, làm theo kiểu chồng giường, không gác tường dựng trên 12 cột gỗ đặt trên các tảng đá. Trong Hậu cung có bệ đá trên đặt tượng thần Cao Sơn bằng đồng dát vàng, cao 1,50m, dáng hình giống như tượng gỗ thần Cao Sơn đặt ở trong hang.

Tiếp đó, du khách lại bước xuống 62 bậc đá nữa là đến ngôi nhà sàn. Gầm sàn cao 2,4m. Nhà sàn gồm 6 gian, 4 gian chính và hai gian hồi, có 4 mái ở

4 phía. Nhà sàn này để chế tác thuốc và là nơi ngồi nghỉ của du khách.

Từ ngôi nhà sàn bước tiếp xuống 55 bậc đá nữa là tới vườn thuốc của Nguyễn Minh Không. Tới đây là đã bước xuống qua gần 200 bậc đá theo sườn núi. Đứng tại vườn thuốc này nhìn lên cửa hang thờ thần Cao Sơn thấy cao vời vợi, nhìn trước mặt thấy núi chắn, quay lại phía sau cũng núi chắn, hai bên tả hữu cũng là núi cao thấp – một vòng tròn núi nhấp nhô hùng vĩ vây hãm, khiến du khách có cảm giác như không có đường vào và cũng chẳng có đường ra. Nếu không có lối lên hang thờ thần Cao Sơn, chắc khi vào đây rồi, du khách chỉ có thể làm tiên mới bay được về quê nhà.

Vườn thuốc này có diện tích khoảng 4 ha, nằm áp sườn phía đông nam của núi Bái Đính, gọi là thung Đền. Vườn tương đối bằng phẳng, có rất nhiều cây thuốc quý như: sinh địa, hoài sơn, sâm bồ, ngũ da bì, bồ chính, đậu xương, đơn xương, vôi hạc, lông công, xấu hổ, hoàng bá, bạch chỉ, huyết dụ, đẳng sâm, v.v... Đây là vườn cây thuốc chữa bệnh cứu sống con người, nên một làng ở gần đó được đặt tên là Sinh Dược. Đó là thôn Sinh Dược, xã Gia Sinh.

Những lương y đến vườn thuốc này đã mãi mê ngắm tìm các cây thuốc quý, có những cây thuốc chỉ ở vườn thuốc này mới có và chỉ mọc ở đây mới có giá trị.

Một điều đặc biệt nữa là, vì vườn thuốc này ở cao hơn so với mặt đất dưới chân núi, xung quanh được núi bao bọc, nên tạo hoá như đã sắp đặt sẵn một đường cống thoát nước ở dưới chân núi của vườn thuốc. Nằm ở bên hữu lối đi xuống có một cửa hang nhỏ, là một hang dài xuyên qua núi, như một đường ống nước khổng lồ dùng để thoát nước khi trời mưa làm cho vườn thuốc không bị ngập lụt.

Từ vườn thuốc, du khách bước lên gần 200 bậc đá bên sườn núi để lên cửa hang thờ thần Cao Sơn, từ đó qua hang, bước xuống động thờ Phật, trở ra cửa hang Sáng, theo đường cũ, bước xuống 18 bậc là đến khoảng giữa của hai hang: Sáng và Tối. Tại khoảng giữa này có lối xuống ở dưới thấp hơn, xây dựng một nhà sàn hai tầng. Tầng trên (tầng hai) kiến trúc theo kiểu chữ “*Dinh*” (Hán tự), kiểu chồng giường, tiền bẩy, hậu bẩy, gồm 6 vòm, các đầu bẩy đều chạm trổ hoa lá. Tiền đường 5 gian 4 mái, dài 14m, rộng 4,7m, làm toàn bằng gỗ tứ thiết, gồm 2 hàng cột trước và sau, mỗi hàng 6 cột và hai cột ở Hậu cung, tổng số là

14 cột, mỗi cột cao 3,2m, đường kính 0,4m. Hậu cung một gian dọc, mái lợp ngói men ống Bát Tràng. Bốn góc các mái Tiền đường đều có mái đao hình con chim phượng châu. Nóc mái đắp hình “*lưỡng long triều nguyệt*”. Mái ở Hậu cung phía đông cũng có mái đao hình chim phượng châu, đầu kim là hình rồng châu. Tường đều làm bằng gỗ đục thông phong thượng song hỷ kép, hạ bản. Ba gian giữa cửa Tiền đường đều có các cánh cửa bằng gỗ lim. Đây là một ngôi đền làm bằng gỗ tứ thiết thờ Nguyễn Minh Không. Hậu cung ba mặt tường dựng bằng gỗ, bên trong có bệ đá cao, trên đặt tượng Nguyễn Minh Không bằng đồng nguyên khối dát vàng cao 1,5m.

Tầng dưới (tầng một) của nhà sàn xây dựng bằng bê tông cốt thép, chiều ngang dài 10,5m, chiều sâu 15,8m, có hiên rộng 1,6m ở phía trước. Phía nam của tầng này xây tường gạch, còn 3 mặt để trống. Đây là nơi để các Phật tử và khách thập phương sửa lễ và ngồi nghỉ trước khi lên lễ ở đền Nguyễn Minh Không ở tầng hai.

*

*

*

Người xưa có câu:

“Núi kia ai tạc ai xây

Bên kia động Phật, bên này động Tiên”

Đối diện với động Sáng thờ Phật là động Tối nằm trong tay ngai phía bắc. Động Tối thờ Tam toà Thánh Mẫu.

Truyền thuyết kể rằng, vào năm 1556, có một nàng tiên tên là Quỳnh Nương ở trên trời, tính tình ngang bướng không chịu nghe lời vua cha. Một lần nàng đánh vỡ chiếc chén ngọc bị Ngọc Hoàng đẩy xuống hạ giới. Nàng đầu thai vào nhà Lê Thái Công ở làng Vân Cát (xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), trở thành một cô gái rất xinh đẹp, được đặt tên là Giáng Tiên. Lớn lên, Giáng Tiên lấy chồng nhà họ Trần Thái Công là Đào Lang ở làng Tiên Hương (xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), sinh hạ đủ trai gái. Đến năm 21 tuổi Giáng Tiên trở về trời, được đổi tên là Liễu Hạnh Công chúa. Ở trời một thời gian, bà rất nhớ đến chồng và thương con. Ngọc Hoàng thấy vậy cho bà trở lại cõi trần. Tiếp đó bà lại trở về trời. Lần thứ ba, Công chúa Liễu Hạnh xuống ở hẳn hạ giới ở miền phố Cát, huyện Thạch Thành (Thanh Hoá). Vì là người trời, nên Công chúa

thay hình đổi dạng luôn. Lúc thì hoá thành cô gái phóng túng, đi giễu cợt một Hoàng tử hiếu sắc. Công chúa biến thành một trái đào nhỏ dân, khiến Hoàng tử không ăn được, rồi lại biến thành con khỉ khi Hoàng tử ôm hôn, khiến Hoàng tử chết khiếp, có lần lại biến thành con rắn nằm vào lòng Hoàng tử, khiến chàng bị mê man bất tỉnh. Nhiều lần Công chúa đánh nhau với cả quan lính của triều đình.

Thời ấy, dưới triều Vua Lê Huyền Tông (1663 – 1671), trong triều đình, các quan đều cho là ma quái, bèn sai quân lính đến phá đền Sòng (thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá) - nơi thờ Công chúa Liễu Hạnh. Công chúa biến hoá làm cho binh tướng của triều đình khốn đốn. Cuối cùng vua sai đạo sỹ cầm quân bắt được Công chúa Liễu Hạnh. Nhưng đức Phật đã cứu Liễu Hạnh và trả tự do. Triều đình lập tức phải cho lập lại đền thờ. Vì Công chúa Liễu Hạnh có nhiều công trạng giúp dân, nên nhân dân tôn là Thánh Mẫu, đứng đầu các vị Mẫu ở nước ta. Vua Lê Huyền Tông có sắc phong Bà là Thượng Đẳng Thần – Vị Thần tối cao. Bà còn được tôn là Mã Hoàng Công chúa, rồi Chế Thắng Hoà Diệu Đại Vương. Từ đó Bà trở thành bậc siêu nhân, luôn ban ân đức cho mọi người, góp phần đánh giặc ngoại xâm, trừng phạt kẻ

phản nghịch. Bà còn biến thành một bà già đi chữa bệnh cho dân ở mọi nơi. Trong “*tứ bất tử*”⁽¹⁾ Công chúa Liễu Hạnh là vị thánh của tín ngưỡng tứ phủ, là bậc “*Mẫu nghi thiên hạ*”, là vị thánh nữ duy nhất, một biểu tượng đa dạng, sinh động, một nhân vật bình thường nhưng thật phi thường, là biểu tượng của lòng nhân ái.

*

*

*

Từ đoạn giữa khoảng cách hai động, du khách bước lên cao chín bậc đá mới đến sân trước động Tối. Lại từ sân bước lên cao 6 bậc đá nữa mới vào động Tối.

Cửa động Tối cao rộng, bên phải dựng một tấm bia đá cao 1,4m, rộng 0,8m, ghi tên những thiện nam, tín nữ thập phương đã đóng góp công đức, tôn tạo chùa Bái Đính. Bên trái cửa hang đối diện với bia đá là ban thờ tượng Hổ châu vào trong động và dưới trần hang treo một quả chuông cao 1,5m, đường kính miệng 0,8m, nặng 3 tạ. Nền động phẳng, lát gạch đá. Sâu vào trong 6m, ở giữa, từ trần hang có khối nhũ đá chảy xuống như một tấm bình phong che lấp khoảng giữa động, tạo thành hai lối tả hữu đi vào sâu

⁽¹⁾ - *Tứ bất tử của Việt Nam là: Thánh Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử, Bà Chúa Liễu Hạnh.*

trong động. Trước “*tám bình phong đá*” đó, có bệ thờ cao, tầng trên đặt ba tượng Tam tòa Thánh Mẫu to lớn, dát vàng..

Phía trước của tòa Mẫu, bệ thấp hơn đặt “*Ngũ vị tôn ông*” cũng dát vàng. Đó là lực lượng trực tiếp nhận và thực hiện ý đồ của Thánh Mẫu trong việc cai quản vũ trụ. Đây có thể gọi là cung thờ Tam tòa Thánh Mẫu, là hang thứ nhất, rộng nhất.

Du khách đi theo hai lối tả hữu sẽ vào trong động Tối. Động Tối cao và rộng nhiều so với động Sáng, gồm bảy hang (kể cả hang ngoài), gọi là bảy “*buồng*”. Mỗi hang cấu trúc khác nhau, có hang ở trên cao, có hang ở sâu hơn 4m, có hang nền bằng phẳng, có hang nền trũng xuống như lòng chảo, nhưng đều thông nhau theo các ngách đá. Hang Hai nằm ở bên trái, hiện nay đã xây các bệ cao, trên đặt các tượng Phật và các đồ thờ cũ trước đây ở trong chùa (vì hiện nay đã thay các tượng Phật và đồ thờ mới đều bằng đồng). Hang thứ 7 sâu nhất, như lòng chảo, rộng khoảng 20m², hiện nay xây 9 bậc xuống, có hai con rồng bằng xi măng cốt thép, ốp sứ làm vẩy, mỗi con dài khoảng 15m, uốn lượn theo vòng hang làm thành lan can, đầu rồng châu về lối xuống hang. Hang được nạo vét tạo thành giếng Tiên. Giếng Tiên sâu, có nước trong, về mùa mưa do nước ở nhũ đá trên trần chảy xuống.

Trần động Tối bằng phẳng, có hang trần cao so với nền động hơn chục mét. Nhiều chỗ nhũ đá trong động chảy như tấm rèm hoặc như các bó lúa treo. Xung quanh các thành hang đều là nhũ đá đẹp. Càng đi vào trong càng nhiều nhũ đá, khó tả hết những vẻ đẹp của nó. Đây là ô thuốc Thánh, Tiên nữ đón chào, Tiên nữ đang chải tóc, Tiên nữ đang nằm chơi, bàn cờ của Đế Thích, kho vàng, két bạc, ... Kia là Tiên đang giục trâu cày ruộng, có bờ, có thửa ruộng, có chỗ tát nước, có ao bèo nước trong đến đáy và cả đàn lợn béo tròn đang nằm, ... Mỗi bước gần, mỗi bước xa, du khách ngắm nhìn nhũ đá lại khác, quyến rũ, tạo ra kỳ thú bất ngờ. Có chỗ, nhũ đá chảy dài từ trên cao xuống nền động thẳng tắp như những dây đàn. Du khách chỉ cần cầm một hòn đá nhỏ gõ vào “*những dây đàn*” đó là những âm thanh phát ra đủ bảy nốt nhạc. Nếu du khách gõ liên một mạch, nhịp tay nặng nhẹ thì sẽ được nghe một bản hoà tấu du dương. Có chỗ nhũ đá gõ vào âm u như tiếng mõ, bập bùng như tiếng trống, lanh lảnh như tiếng chuông. Đó là những thạch cầm của thiên nhiên. Những nhũ đá ở đây mang những dáng hình không cần đeo gọt. Du khách tưởng như đang được đứng trong một nhà bảo tàng lưu giữ các loại nhũ đá. Với trí tưởng tượng phong phú, du khách sẽ có ngay những nhũ đá để đặt tên như thế, mỗi tên gọi ghi nhận một tác phẩm nghệ thuật điêu

khắc tài hoa của tạo hoá, gợi hình, gợi cảm đầy sức quyến rũ. Ở đây thiên nhiên là những công trình sư tài ba.

Du khách như muốn ở lâu trong hang Tối để tận hưởng cái tinh khiết, hùng vĩ, tuyệt mỹ của thiên nhiên. Sau những ngày lao động mệt nhọc, ở đây du khách cảm thấy thoải mái, nhẹ người, quên đi những lo toan trong cuộc sống thường nhật, để hoà nhập vào thiên nhiên vĩnh hằng, hoà nhập vào những vẻ đẹp trời cho. Đây chính là cảnh thần tiên giữa cõi trần chốn bồng lai tiên cảnh trong cuộc sống của chúng ta.

Trong động Tối, ở phía trên cao có một khoảng sáng là “*lối lên trời*” tới tận đỉnh núi, phía sâu ở dưới một hang là lối xuống “*âm phủ*”. Hang đã tạo ra âm - dương đối đãi là thế.

Toàn cảnh trong động Tối là sáng, tối, kỳ ảo, hư hư, thực thực, như có khói phủ, mây bay, đan xen, hoà quyện với muông thú, thần tiên và con người, khiến du khách choáng ngợp trước tạo hóa và cảm thấy một điều là tạo hóa như đã cho con người tất cả vẻ đẹp rực rỡ, lộng lẫy, con người chỉ cần biết phát hiện, nhìn, ngấm, thưởng thức. Du khách phần nào thoả mãn, như được trở về cội nguồn xa xăm, tâm linh hoà nhập với thiên nhiên để khám phá ra chính

mình. Cảm ơn tạo hoá, con người đã tạo ra cái đẹp muôn đời để thăm thú, say sưa, ngây ngất, trào dâng cảm xúc thanh cao, lâng lâng hồn người.

Đỉnh núi phía hang Tối gọi là “*Tán cột cờ*” là nơi cắm cờ xưa. Đây là đỉnh cao nhất của cả vùng núi này. Đứng tại đây, du khách sẽ bao quát được những ngọn núi, quả đồi xung quanh: Hàn Cay, Hàm Rồng, Mất Rồng, Thung Bình, Nhãn, Làng Đồi, Con Lợn, Cự Rùa, đồi Dài, đồi Nủm, Ba Rau, Văn, Võ,... Du khách thoả sức ngắm cảnh núi đồi bao la, mây trời tuyệt đẹp, thả hồn mộng mơ và cõi lòng lắng xuống để thả bay trong gió những lo toan trần tục của cuộc sống thường nhật. Tất cả hòa nhập vào nhau, tạo cho du khách một cảm giác rất nồng nàn thi vị trong giang sơn cẩm tú, hình như tất cả cái đẹp của đất trời đã dồn góp về đây. Đúng là một vùng núi non đẹp mê hồn, làm cho những ai khó tính nhất cũng phải yêu và say.

*

* *

Du khách thăm khu chùa Bái Đính mới và chùa Bái Đính cổ trên núi Bái Đính xong, sẽ trở về theo đường cũ, đến thăm khu du lịch sinh thái hang động Tràng An.

QUẦN THỂ XUYỀN THUỶ ĐỘNG TRÀNG AN

Du khách thăm Cố đô Hoa Lư xong, không thể không đi tiếp thăm quần thể xuyên thủy động Tràng An, cách Cố đô Hoa Lư khoảng 3km về phía Nam, với tổng diện tích trên 1.500ha. Gọi là “*Quần thể xuyên thủy động Tràng An*”, vì nơi đây có 50 hang xuyên thủy, mỗi hang một vẻ “*mười phân vẹn mười*” và 31 thung, tổng chiều dài của động xuyên thủy là trên 10km.

Từ thung Hang Tối Ngoài thuyền đưa du khách vào trong hang Tối. Tên hang là Tối, vì vào trong tối om, phải có đèn sáng mới đi thuyền được. Nó lại quanh co, ngoắt ngoáy, dài đến 315m. Mới bước vào trong cửa hang, du khách đã choáng ngợp bởi vô số nhũ đá với rất nhiều hình hài long lanh phát sáng khi có đèn chiếu vào. Càng đi vào trong càng nhiều nhũ đá, khó tả hết những vẻ đẹp của nó, chỉ có thể thốt lên hai chữ “*tuyệt vời!*”. Đi đến giữa hang, du khách sẽ thấy lòng hang uốn lượn như chữ “S”, cứ mở rộng

dẫn ra, tạo thành hai màn vóc gần nhau, hun hút cao đến 60m. Đây là nơi trú ngụ của loài dơi. Nghe thấy tiếng động dơi giật mình bay vờn quanh du khách. Gọi là màn vóc, vì nhũ đá từ trên cao chảy dài, xếp chồng lên nhau từng lớp, từng lớp, mềm mại, nõn nà như tơ, như lụa. Trong hang còn có những nhũ đá được mang tên: phẩm oản, cá sấu, con mòng, mỏ chim, trán sãi, ... Gần cuối hang, nhũ đá cuộn cuộn tuôn trào. Màu nhũ đá xanh biếc khiến du khách bàng hoàng, ngẩn ngơ, không thể tin vào mắt mình được. Mỗi bước gần, mỗi bước xa khi thuyền dừng lại để du khách ngắm nhìn, nhũ đá lại khác, quyến rũ, tạo ra kỳ thú bất ngờ. Đá và nước tình tứ trò chuyện với nhau trong hang như muốn nói với du khách: hàng triệu năm đã đi qua nơi đây.

Du khách qua cửa hang Tối phía trong là tới thung Hang Sáng. Thung Hang Sáng chỉ rộng có 15.400m², là thung bé nhất. Các dãy núi cao bao vây còn nguyên sơ, môi trường sinh thái tự nhiên còn nguyên vẹn. Cây cối xanh tươi ở trên núi, điểm lên là những bông hoa lau trắng, gợi cho du khách nhớ tới cái thuở ấu thơ của Đình Bộ Lĩnh lấy hoa lau làm cờ tập trận. Khói trắng sương lam, mây nhõn nhơ ôm ấp núi. Phong cảnh thung Hang Sáng hùng tráng và nên

thơ. Nếu lấy thung Hang Sáng làm tâm điểm thì từ đây sẽ có 4 hướng đi 4 hang. Bốn cửa hang phân đều theo bốn phương của mặt trời. Phía Nam thung Hang Sáng là cửa hang Tối. Phía Bắc thung Hang Sáng là cửa hang Ba Giọt. Phía Đông thung Hang Sáng là cửa hang Seo. Phía Tây thung Hang Sáng là cửa hang Sáng. Đó cũng là điều kỳ diệu của núi non hang động nơi này mà không mấy nơi có được.

Từ thung Hang Sáng, du khách rẽ trái vào thăm hang Sáng. Hang Sáng dài 112m, gấp mình theo hình thước thợ. Đã đi qua hang Tối rồi, nhất thiết du khách phải vào hang Sáng. Tên hang là khát vọng của con người: hết mưa là nắng, tối rồi sẽ sáng. Tối, sáng bổ trợ cho nhau, tôn vinh nhau như âm dương ngũ hành, như xấu và tốt, như ác và thiện. Người xưa đặt tên cho hang như muốn gửi gắm một triết lý nhân văn cao cả. Thuyền vào hang Sáng đỡ tối hơn, nhưng vẫn phải dùng đèn. Vòm hang cao lồng lộng, mọc nhiều nhũ đá kỳ lạ. Hang âm thầm giấu đi bao vẻ đẹp bí hiểm; lộng lẫy, bây giờ mới phô ra. Điều độc đáo của hang Sáng là nhũ đá trắng phau, mịn mơn, như chứa đựng sinh lực dồi dào, khiến du khách phải mê đi vì quá bất ngờ. Ra cửa hang Sáng là vào thung Hang Tối Trong, cũng giống như thung Hang Sáng, nhìn

trước mặt thấy núi chắn, quay lại phía sau cũng núi chắn, bên tả bên hữu cũng là núi, một vòng tròn núi nhấp nhô hùng vĩ vây hãm, khiến du khách có cảm giác như không có đường vào và cũng chẳng có đường ra. Nếu không có các hang động xuyên thủy này, chắc khi vào đây rồi, du khách sẽ không còn đường nào ra, chỉ có thể làm tiên mới bay được về quê nhà. Nhìn xa xa trên sườn núi, du khách thấy một vài con thú nhỏ, từng đàn dê đang chạy nhảy ăn lá cây. Đặc biệt, cây cối mọc xanh um trên núi, một số cây rễ từ trên cao chảy dài xuống mặt đất, càng gần mặt đất càng to dần. Sức sống của cây thật mạnh mẽ. Chỉ có những loài cây đặc biệt chịu khô hạn mới sống được trên đá. Đúng là cảnh nguyên sơ, nguyên vẹn hoang dã của vùng núi đá Hoa Lư.

Tất cả các thung ở đây đều như thế. Núi giảng như thành lũy bao bọc, ở giữa là mặt hồ, trong hồ có những đảo nhỏ. Sau này, trên các đảo nhỏ đó sẽ là những vườn cây, các nhà hàng, nơi vui chơi giải trí phục vụ cho khách du lịch.

Du khách đi thuyền tiếp vào hang Ba Giọt có chiều dài 156m, có chỗ rộng tới 25m. Gọi tên là Ba Giọt, vì trước đây ở đoạn giữa hang về phía bên tay phải du khách, có một dòng nước ngấm ẩm, không

biết từ đâu chảy về, tạo thành ba dòng nước. Chỗ hợp ba dòng này, vào mùa đông cá, cua, tôm, tép về đây trú ngụ dày đặc. Hiện nay chỗ đó đã được lấp đi. Trong hang, nhũ đá biến hoá khôn cùng, như mọi thứ ở trên thế gian này đều có thể phác thảo được. Xôn xao cả một thế giới nhũ đá to, nhỏ. Chỗ này lô xô như hàng răng cá sấu, chỗ kia thẳng tắp, thướt tha như dây đàn, tấm lụa. Không biết tự thuở nào tạo hoá đã khai sinh ra nó. Và trên thế gian này, chẳng có gì vô tri, vô giác cả. Sự trầm sâu, thâm trầm của đá và nước đã nổi dậy, linh hoạt trong mọi dáng hình.

Trở về thung Hang Sáng, du khách tiếp tục đi thuyền thăm các hang Seo Bé, Seo Lớn, Sơn Dương, Lổ, ...

Trở về thung Hang Tối ngoài, du khách rẽ phải sẽ vào hang Địa Linh, hang Đột. Hang Đột chỉ dài khoảng 70m, nằm bên phải phủ Đột, vào sâu 30m, rẽ trái là hang Mây dài 1.200m. Nếu không vào hang Mây, du khách đi tiếp 40m, đến đây có đường rẽ phải vào hang Địa Linh Một dài 300m. Nếu không rẽ phải đi hang Địa Linh Một, du khách đi thẳng sẽ tới hang Địa Linh Hai dài 1.100m. Hang Địa Linh còn được gọi là hang Châu Báu. Vì theo suốt chiều dài của hang, nhiều chỗ toàn là nhũ đá đẹp. Do mới

được khai thác, nên nó còn nguyên sơ, trắng phau, đẹp lạ lùng, lung linh như ngọc, như vàng, như bạc, như kim cương. Đi thẳng một đoạn từ chỗ rẽ phải sang hang Địa Linh Một, du khách dừng thuyền ở bên trái, bước lên cao là đến một hang nhỏ (động khô). Chỗ này nhũ đá như được gọt giũa một cách tinh tế, chỗ kia như bột dẻo nặn ra rất mềm mại. Có nhiều “con vật” như sống ở thời hồng hoang hiện về. Điều kỳ lạ là nhũ đá trắng muốt như dát bạc, nếu chiếu đèn vào nó giống một lớp thủy ngân lóng lánh. Nó là nguyên sơ như hương vị thu ở thời lập địa khai thiên, mới phát hiện được lần đầu. Hang Châu Báu chính là đây. Tất cả đều là “châu báu” mới được hoá đá. Cũng có thể coi đây là một xưởng điêu khắc và hội hoạ bậc nhất của tạo hoá. Điều đặc biệt mà ít hang có được là trong hang Địa Linh, ở một đoạn còn chứa một không gian rộng của đất và nước. Trước đây, đoạn đó ở giữa là một dòng sông, hai bên là hai bãi đất cao, phẳng, rộng, bên lở bên bồi. Có lẽ, vì thế người xưa đã đặt tên hang là Địa Linh (đất thiêng). Mà “địa linh” thì sinh “nhân kiệt”. Đất Hoa Lư đã sinh ra Vua Đinh Tiên Hoàng và nhiều người tài giỏi. Hiện nay, những dải đất đó đã được đào vét để cho dòng sông trong hang rộng ra, thuyền đi lại dễ dàng. Nhưng ở hai bên thành hang vẫn còn những ngấn

đất, tảng đất đỏ. Điều kỳ lạ nữa là, một vài đoạn trong hang, đá trên trần phẳng rộng như mái nhà, có chỗ đá chạy dài thẳng tắp như xà nhà. Có lẽ con người không thể làm được những xà nhà đá đỏ để đỡ mái đá trong hang. Nó đẹp một cách lạ lùng.

Đi thăm quần thể xuyên thủy động Tràng An, du khách như lạc vào một thế giới riêng của tự nhiên, vào “*một trận đồ bát quái*” của hang động, luẩn quẩn, vòng vèo, nhằng nhịt, chỉ có núi cao và nước sâu vây hãm, nhưng lại là kỳ thú, nên thơ, mát mẻ, hoang sơ vô cùng. Du khách sẽ muốn ở lâu trong đó để tận hưởng cái tinh khiết, hùng vĩ, tuyệt mỹ của thiên nhiên. Sau những ngày lao động mệt nhọc, du khách đến đây sẽ cảm thấy thoải mái, nhẹ người quên đi những lo toan trong cuộc sống thường nhật, để hoà nhập vào thiên nhiên vĩnh hằng. Khó có thể tìm được nơi nào như thế, cũng chưa có nơi nào sánh kịp nơi đây.

Trong quần thể xuyên thủy động Tràng An có 31 thung. Mỗi thung là một bức tranh thủy mặc khác nhau về núi và nước. Mây trời luôn luôn bay qua núi non, có khi ôm ấp cả núi cao. Mây trời này, non xanh này, nước bạc này hoà quyện nhau tình tứ, thoát ẩn, thoát hiện hấp dẫn lạ lùng. Nước hồ in bóng núi,

bóng mây, vừa hùng vĩ vừa mộng mơ, kỳ ảo, huyền diệu không tả hết. Du khách sẽ cảm thấy chẳng còn có thú gì hơn khi được đến đây để hoà mình với thiên nhiên, gọi lên trong tâm hồn bao xúc cảm, nhớ nhung, lưu luyến, không muốn rời xa... Tất cả sông nước, núi non đó đều đẹp đến mê hồn, phong phú lạ kỳ, hoành tráng vô cùng. 31 thung là 31 hồ đều được thông với nhau bởi các động xuyên thủy dài ngắn khác nhau. Đó là những sợi nối của nước, những mạch ngầm của nước, để núi non gắn bó, tương hỗ, hoà quyện với nhau thân thiện như người với người nối vòng tay lớn. Nó như những động mạch chủ trong cơ thể con người để làm nên một quần thể núi non sống động. Chỉ có đá và nước như âm với dương đã làm nên những kỳ quan đó. Chẳng biết tự thuở nào đã sinh ra núi và nước nơi đây. Nước chảy ngầm trong ruột núi để làm thành hang động. Nước điều khắc thành các nhũ đá kỳ diệu, khác thường. Đá và nước vĩnh hằng đã tạo ra quần thể xuyên thủy động Tràng An độc đáo.

PHỦ KHỔNG

Mùa Đông, tháng 10 năm Kỷ Mão (979) Vua Đinh Tiên Hoàng mất, ở ngôi 12 năm, thọ 56 tuổi. *“Đại Việt sử ký toàn thư”* đánh giá ông *“tài năng, thông minh hơn người, dũng lược nhất đời”*.

Đinh Tiên Hoàng là ông vua đầu tiên trong nền văn minh Đại Việt của dân tộc, nền phong kiến tập quyền ở nước ta.

Chính vì vậy, sau khi Vua Đinh Tiên Hoàng băng hà, quần thần đã đưa thi hài ông an táng trên đỉnh núi Mã Yên. Sách *“Đại Việt sử ký toàn thư”* ghi: *“rước linh cữu của Tiên Hoàng đế về an táng ở Tràng An Sơn Lăng (tức núi Mã Yên)”*.

Nhưng hiện nay, chưa rõ thi hài Vua Đinh Tiên Hoàng đặt ở đâu? Đó là điều bí ẩn của các thi hài vua chúa.

Tục truyền rằng: Khi Vua Đinh Tiên Hoàng mất, triều đình đã làm 100 chiếc quan tài bằng đồng, trong đó có một chiếc để thi hài Vua Đinh Tiên Hoàng.

Có 07 vị quan đại thần trong triều Đinh rất trung

thành với Vua Đinh Tiên Hoàng đã đứng ra khâm niệm ông. Khâm niệm xong, họ bí mật chuyển qua một cửa cung điện đưa 100 chiếc quan tài bằng đồng đó ra ngoài kinh đô chôn cất. Bảy vị quan đại thần đi chôn cất xong, bèn đồng tình uống rượu độc tự vẫn để mang đi theo điều bí mật về những chiếc quan tài.

Thời đó, có một vị quan trấn ải phía Nam kinh đô nghe tin 07 quan đại thần đã tự vẫn, vô cùng thương tiếc họ, nên đã bỏ triều đình vào trong thung Khổng ẩn tích để lập nơi thờ 07 quan đại thần. Ông đặt một bát hương trên một tảng đá thờ chung 07 người. Sau đó ông trồng bên tảng đá đó một cây thị nhỏ để đánh dấu nơi thờ.

Hàng năm cứ đến ngày giỗ, ông đều đến thắp hương tế lễ họ.

Thời gian sau, ông cũng qua đời. Nhân dân kinh đô Hoa Lư rất cảm kích, thương tiếc tấm lòng trung nghĩa của ông nên đã xây dựng một ngôi đền nhỏ bên cây thị đã lớn để thờ ông, gọi là phủ Khổng. Phủ Khổng nằm gần cửa hang Khổng nhìn ra thung Khổng, quay hướng Đông Nam.

Ngày nay, phủ Khổng mới được xây dựng lại, theo kiểu chữ “*đinh*” (Hán tự), nằm trên nền đất sát chân núi Khổng cao hơn mặt nước hồ khoảng 3m.

Từ bến thuyền bước lên 13 bậc đá mới lên đến sân phủ lát gạch. Sườn núi đá ở đây sâu hõm vào, vách núi trên cao đua ra che gần hết phủ.

Tiền Đường của phủ 3 gian. Điều đặc biệt là Tiền Đường không có cửa ở ngoài, cửa lui vào tận hàng cột cái để che Hậu Cung bên trong, làm cho hiên của Hậu Cung rộng đến 3m. Như thế hiên của Hậu Cung được gọi là Tiền Đường, có 4 cột đá vuông dựng ở phía ngoài, đặt trên các tảng đá vuông, cao 2m. Mặt tiền 4 cột đá chạm khắc các câu đối bằng chữ Hán.

Câu đối phía bên tay phải ở 2 cột đá sát hồi phủ là:

*“Trợ tá nhân gian cao nhật nguyệt,
Quảng thông thiên hạ mãn càn khôn.”*

(Việc giúp rập ở chốn nhân gian sánh tấy nhật nguyệt,

Sự hiểu biết rộng trong thiên hạ đầy tựa càn khôn).

Câu đối ở hai cột đá giữa:

*“Khai quốc vạn niên công đức đại,
Thái bình thiên cổ hiển phương danh”.*

(Mở nước vạn năm công đức lớn,

Thái bình muôn thuở nổi danh thơm.)

Gian giữa của Tiền Đường bên trên cửa vồng có ba chữ Hán lớn “*Thế Hồ Thâm*”, nghĩa là: “*Nhớ thương sâu nặng*”.

Dưới cửa vồng ở gian giữa Tiền Đường đặt hương án sơn son thếp vàng để đỉnh hương thờ công đồng.

Hậu Cung một gian, hai chái hẹp, dọc sâu 3m. Trong Hậu Cung, vì, kèo, dui, mè, cột tròn đều làm bằng gỗ lim. Các cột lim tròn được đặt trên các tảng đá hình bát giác. Ở các cột đều được treo các câu đối bằng chữ Hán. Vào Hậu Cung đi theo hai cửa 2 gian bên Tiền Đường. Trong Hậu Cung để liền nhau hai hương án gỗ cao sơn son thếp vàng lộng lẫy. Trên hương án trong, đặt một khám lớn sơn son thếp vàng để bài vị thờ ông quan đã lập bát hương thờ 07 ông quan tuần tiết. Hương án ngoài đặt đỉnh hương bằng đồng và các đồ thờ.

Phía bên tay trái du khách, trước phủ gần sát hồi phía Tây Nam là một cây thị lớn. Gốc của nó nổi nhô lên thành một khối sần sùi bao trùm trên đá rộng khoảng 8m², so với sân gạch lại cao hơn 1m. Đây là bộ rễ cây thị to lớn bám sâu vào đá đã sống trong nhiều năm. Tương truyền, đây là gốc của một cây thị đã có ngàn năm tuổi. (Tính từ năm 979, 07 ông quan chôn cất 100 quan tài Vua Đinh Tiên Hoàng mất, cây

thị đã được trồng ở đây để đánh dấu nơi thờ họ). Cây thị ngày càng to lớn dần theo năm tháng. Nó che rợp cả phủ Khống. Một trận bão lớn đã làm cây thị đổ gãy, chỉ còn lại gốc. Từ gốc cây đó đã mọc lên một chồi, cho đến bây giờ đã thành một cây thị lớn trên gốc cây thị ngàn năm.

Hiện nay thân cây thị tuy nhỏ nhưng cành tán lá vươn ra rộng, che rợp cả sân phủ, đến mùa ra quả, quả xanh, quả vàng đầy cành. Nhưng điều độc đáo là cây có hai loại quả đan xen nhau ở các cành: một loại quả tròn bình thường như các quả thị khác, có hạt; một loại quả sấp (hơi dẹt) không có hạt.

Sát gốc cây thị này, người ta làm một bàn đá nhỏ dưới sân đặt đồ thờ và trên gốc cây thị đặt một tảng đá trên đó để một bát hương đá thờ 07 ông quan đại thần tuần tiết triều Đinh. Lui về phía Tây Nam đền, góc sân gạch sát bờ hồ mới trồng một cây đa. Đây là cây đa của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trồng ngày 27 tháng 7 năm 2004 nhân dịp Tổng Bí thư về thăm Khu du lịch Tràng An, vào phủ Khống dâng hương tưởng niệm.

Phía bên tay phải du khách gần sát trước hồi phía Đông phủ Khống là cây cầu Vòm làm bằng bê tông cốt thép giả đá bắc qua đoạn sông vào hang

Khống. Đi qua cầu, du khách sang bên sườn núi phía Đông thấy có một quả chuông lớn treo trên vách núi. Cây ở trên núi đá mọc xanh tốt vươn ra che rợp cả sườn núi.

Lễ trong phủ Khống xong, quay nhìn ra thung Khống, du khách thấy cảnh non nước ở đây quyến rũ vô cùng. Một đảo nhỏ giữa hồ nước trong xanh. Xung quanh hồ là các dãy núi cao bao bọc cây cối mọc xanh tươi. Mây trời trắng, xanh bay trên trời, in hình dưới mặt hồ. Núi non hùng tráng nhưng lại dịu êm thanh bình, yên ả của nước dưới hồ, tạo nên âm dương đối đãi, hoà nhập rất hoàn hảo là vậy.

PHỦ ĐỘT

Thuyền đến thung Hang Tối Ngoài, rẽ tay trái vào chân núi, thấy ngôi đền toạ lạc trên nền đất cao bên cạnh cửa hang Đột nằm về phía tay trái du khách, đó là phủ Đột. Tên gọi này có từ xa xưa truyền lại cho đến bây giờ, chưa ai giải thích được nghĩa của nó. Tương truyền, năm 979, Vua Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị sát hại, triều đình nhà Đinh phải đưa người con trai thứ của Vua Đinh Tiên Hoàng là Đinh Toàn mới 6 tuổi lên làm vua. Thập đạo Tướng quân Lê Hoàn tự xưng làm “*Phó vương*”. Thừa tướng, Thái Tử Định Quốc Công Nguyễn Bặc không thể chịu nổi việc mất ngôi báu của nhà Đinh nên đã chống lại Lê Hoàn. “*Trung thần bất luận nhị quân*”, làm tôi không thể thờ hai chúa, Nguyễn Bặc bèn hội quân với Ngoại Giáp Đinh Điền từ Châu Ái kéo về kinh đô Hoa Lư đánh Lê Hoàn.

Thế là trong triều có nhiều vụ xung đột xảy ra. Sợ ấu chúa bị nạn, có hai vị tướng triều Đinh với tước hiệu là “*Tả Thanh Trù*” và “*Hữu Thanh Trù*” đã

đem Đinh Toàn vào vùng núi rừng phía Nam kinh đô lánh nạn.

Nguyễn Bặc và Đinh Điền định tiến về kinh đô giết Lê Hoàn, nhưng không thành. Lê Hoàn đã cầm quân ra Tây Đô (Thanh Hoá) đánh nhau với Đinh Điền và Nguyễn Bặc. Đinh Điền bị chết ngay tại trận, Nguyễn Bặc bị bắt đóng cúi đưa về kinh đô chém đầu. Năm 980, được Thái hậu Dương Vân Nga lấy áo Long cổn khoác lên mình, trao cho ngôi báu, Lê Hoàn chính thức lên làm vua.

Sau khi đưa Đinh Toàn về triều, sợ Vua Lê Đại Hành trị tội, hai vị tướng nhà Đinh không trở về kinh đô, ở lại nơi núi rừng này trốn tránh.

Thời gian sau, hai vị tướng qua đời. Nhân dân kinh đô rất cảm thương tấm lòng trung nghĩa của họ đã vào đây xây dựng một ngôi đền nhỏ thờ hai vị tướng ấy.

Sau một số lần trùng tu, hiện nay ngôi phủ đó vẫn còn nằm phía bên tay trái, gần cửa hang Đột, kiến trúc theo kiểu chữ “*đình*”. Ngôi phủ cũ nhỏ, nên gần đây đã xây thêm một ngôi phủ mới cách phủ cũ 1,5m. Ngôi phủ mới xây cao to hơn, kiến trúc cũng theo kiểu chữ “*đình*”, kích thước như phủ

Khống. Tiền Đường 3 gian, không có cửa phía trước, cửa lui vào tận hàng cột cái để che Hậu Cung bên trong, làm cho hiên Hậu Cung rộng đến 3m. Hiên của Hậu Cung chính là Tiền Đường của phủ, có 4 cột đá vuông dựng phía trước, đặt trên các tảng đá vuông, cao 2m. Mặt tiền 4 cột đá chạm khắc các câu đối bằng chữ Hán.

Hai cột đá gần hai hồi phủ là câu đối:

*“Nhất thiên trung can huyền nhật nguyệt,
Thiên thu chính khí tác sơn hà”*

(Một tấm lòng trung nghĩa sáng cùng nhật nguyệt,
Nghìn năm chính khí còn mãi với non sông).

Câu đối ở hai cột đá giữa:

*“Thái bình danh tướng truyền thiên tải,
Ất Sửu linh từ hoán nhất tân.”*

(Thời thái bình danh tiếng của tướng truyền mãi
nghìn năm,

Năm Ất Sửu đền linh thiêng mới đã được
xây dựng).

Bên trên cửa võng ở gian giữa Tiền Đường có ba chữ Hán lớn *“Nhật Quán Nguyệt”*, nghĩa là *“Bao trùm tất cả cái sáng của vũ trụ”*.

Dưới cửa võng đặt hương án sơn son thếp vàng để đỉnh hương thờ công đồng.

Hậu Cung của phủ một gian, hai chái hẹp, dọc sâu vào 3m. Trong Hậu Cung, các vì kèo, cột tròn đều bằng gỗ lim. Các cột lim tròn đều dựng trên các tảng đá hình bát giác và được treo các câu đối bằng chữ Hán. Vào Hậu Cung đi theo hai cửa gian hai bên Tiền Đường.

Trong Hậu Cung để liền nhau hai hương án gỗ cao, sơn son thếp vàng lộng lẫy. Trên hương án trong đặt một khám lớn, chia hai ngăn, mỗi ngăn để một bài vị thờ hai quan Tả Thanh Trù và Hữu Thanh Trù đời Đinh.

Phủ Đột xây gần sát vào vách núi, trên cao có cây sanh rễ buông thả chảy dài, cành lá vươn rộng che rợp cả mái phủ.

ĐỀN TRẦN

Đi thăm quần thể xuyên thủy động Tràng An xong, du khách không thể không lên thăm đền Trần (còn gọi là đền Nội Lâm).

Một trái núi cao to trông rất hùng vĩ, vách hõm sâu vào, phía trên đua ra làm thành một hang nông, cao hơn mặt đất dưới chân núi khoảng 15 m. Người ta kè thêm đá, xây lên một ngôi đền gồm một gian chính và hai gian nhỏ hai bên. Đền như nằm gọn trong hang, trời mưa nước không làm ướt đến nền. Trước đền, dưới chân núi là một đầm nước trong xanh, rất sâu. Như thế đền đã có thế *“tiền thủy, hậu sơn”* rất đẹp. Đó là đền Trần thờ thần Quý Minh - một vị tướng của Vua Hùng (theo truyền thuyết, Tản Viên là anh cả, Cao Sơn là em thứ hai, Quý Minh là em thứ ba) trấn ải sứ Sơn Nam.

Trong Hậu cung, đặt hai tượng thờ trên hương án đá, bên phải là tượng thần Quý Minh, bên trái là tượng Hoàng phi quý nương là phu nhân của thần Quý Minh.

Các xà ngang, bậc cửa, 12 cột và mái hiên của đền đều làm bằng đá. Các cột đá đều vuông cỡ 15x15cm, cao gần 2m. Đầu và bệ cột cũng vuông, một số đầu cột ở hiên và trong đền chạm khắc lá lật. Đặc biệt hàng cột ngoài hiên gồm bốn cột, mặt tiền đều chạm khắc nổi rồng mây ở giữa, phía trên chạm khắc chim phượng hoặc cá hoá phượng, phía dưới chạm khắc rùa, cá rô, con li, hoa sen và lá sen. Hai cột hai bên ở hàng cột giữa cũng chạm khắc tứ linh như thế, nhưng nổi lên vẫn là rồng mây. Chạm khắc nổi rồng mây, tứ linh trên các cột đá tròn, vuông, cao to đã thấy ở đền Thái Vi (xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư), đình đá thờ Nguyễn Minh Không tại chùa Dịch Lộng (xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn) và đền Đông Hội (xã Ninh An, huyện Hoa Lư), ... Nhưng chạm khắc các cột vuông nhỏ mới chỉ thấy ở đây. Cột càng nhỏ chạm khắc càng khó. Điều độc đáo là, nếu như ở các cột đá khác chỉ chạm khắc nổi có 1cm, thì các cột đá này lại chạm khắc bong kênh và chạm lõng, thông phong 8cm, có chỗ nổi cao đến 10cm. Con chim phượng hoặc cá hoá phượng rất nhỏ, thân chỉ bằng ngón tay cái, nhưng có đủ đầu, mỏ, đuôi, chân. Con chim chích như thật, xoã cánh trông rất sinh động. Còn con cá rô, con rùa, lá sen và hoa sen cũng vậy, nếu đứng xa nhìn chỉ thấy rồng uốn lượn trong

mây, nhưng khi đứng gần ngắm nhìn kỹ mới phát hiện được, vì chúng quá nhỏ. Đường nét chạm khắc tinh tế, uyển chuyển, mềm mại, sống động lạ thường. Đúng là những khối đá có hồn, độc nhất vô nhị, thể hiện tinh hoa của nghệ thuật dân gian. Ngày 26 tháng 7 năm 2004, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh vượt đèo cao đến đền Trần thấp hương, rồi đứng ngắm nhìn hồi lâu các hoạ tiết chạm khắc trên các cột đá đã nói: *“Quý hoá vô cùng, không tiền bạc nào mua nổi những di tích lịch sử này, chúng ta phải bảo vệ rất cẩn thận cho muôn đời con cháu, để các thế hệ người Việt Nam lúc nào cũng hướng về cội nguồn”*. Đó là những lời vàng ngọc!

Bên hông của hai cột đá ngoài hiên và mặt tiền của bốn cột đá ở trong đền còn chạm khắc nổi các câu đối bằng chữ Hán ca ngợi thần Quý Minh.

Bên hông hai cột đá ngoài hiên gần hai hồi chạm câu:

*“Khuông phù Hùng quý Trung hưng tướng,
Tĩnh trấn Nam thiên Thượng đẳng thần.”*

(Làm tướng thời Trung hưng giúp rập Vua Hùng,
Giữ yên trời Nam được phong Thượng đẳng thần.)

Bên hông hai cột đá ở giữa:

*"Nguy nhiên từ miếu kim mỗi tích,
Liệt dữ cương loan hậu tác thành".*

(Đền miếu nguy nga này còn in vết cũ,
Núi non trùng điệp xưa tựa như thành lũy)
Mặt tiền hai cột đá trong hiên:

*"Kinh triều xã tắc trung tâm tại,
Văn địa sơn hà chính khí lưu"*

(Tám lòng trung giữa chốn triều đình bàn việc
xã tắc,
Khí phách thẳng thắn còn lưu nơi văn hiến
núi sông)

Mặt tiền của hai cột đá trọng Hậu cung:

*"Địa án định đô thiên cổ thắng.
Các lâm cương lý nhất hồng thanh"*

(Đất đặt kinh đô là thắng cảnh muôn đời,
Lâu ngấm lý sâu một màu xanh trải rộng)

Bên trái đền sát vách núi có hai đồng mối đùn.
Bên phải đền dưới nền thấp hơn (trước đây đền nằm
ở vị trí đó) dựng hai bia đá ghi lại sự tích thần Quý
Minh và tên tuổi những người cúng tiến xây dựng lại
ngôi đền ở trên nền cũ hiện nay.

Từ đền Trần du khách sẽ xuống thuyền thăm thung Đền Trần được bao bọc bởi những dãy núi cao hiểm trở. Nơi đây có nhiều loại cây quý hiếm được bảo tồn nguyên sinh, đặc biệt có một “*toà si bảy mẫu*” không trông thấy thân cây chính và ngọn cây chính. Trước đây, có lẽ chỉ có một cây si, rễ mọc ra, lan nhanh bám sâu vào đất, lại mọc thành các cây si khác, cây mẹ đẻ cây con, cây con đẻ cây cháu, ... cứ thế nhân ra rất nhiều. Đúng là một rừng si. Cành lá si vươn rộng, che phủ cả một thung lũng. Đi dưới “*toà si bảy mẫu*” cảm thấy mát mẻ, không khí trong lành vô cùng. Lại được nghe những âm thanh riu rít của các loài chim truyền cành gọi nhau, khiến du khách rất thích thú. Tại đây có nhiều chim thú quý hiếm đang tồn tại, đặc biệt có nhiều chim phượng hoàng (một loài trong bộ tứ linh: long, ly, quy, phượng). Trong khu “*toà si bảy mẫu*” này, đã khai quật được một bãi có nhiều cổ vật từ thời Đinh và Tiền Lê như: bát, đĩa, ấm, gạch, cối giã, tiền đồng, ... Năm 2006, Viện Khảo cổ học Việt Nam cùng địa phương đã phát hiện ở hang Bối có những tảng trầm tích là vỏ của những loài nhuyễn thể như: hàu, sò, ốc, hến, trai,... và một số công cụ bằng đá, sơ bộ kết luận: Đây là nơi sinh sống của người xưa, được gọi là động

Người Xưa. Ở đây còn có thảm thực vật phong phú, gồm nhiều loại cây độc đáo đáng hình khác nhau, đặc biệt có các loại phong lan, đẹp, quyến rũ.

Hàng năm, người dân ở xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, cứ đến ngày mùng 7 tháng giêng là vào đền thắp hương lễ thần để cầu mong cho một năm đi bắt cá, trồng cấy trong thung núi được bình an, may mắn, gọi là lễ Phát Lát. Còn lễ giỗ thần hàng năm vào ngày 18 tháng 3 (âm lịch).

Tương truyền, đền Trần đã có từ rất lâu, rất thiêng. Trước đây đền còn xây dựng sơ sài trên nền đất trong “*toà si bẫy mấu*” (Nền đất vẫn còn có ban thờ ở đó). Đến mùa nước lớn, đền bị ngập nên nhân dân xã Ninh Hải chuyển đền lên chân núi ở khu đất hiện nay dựng hai tấm bia đá, chưa có các cột đá dựng lên. Thời gian sau nhân dân thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải mới làm các cột đá xây dựng lại đền ở trên nền đất hiện nay. Lúc vận chuyển các cột đá đưa vào đền, người ta đã thắp hương khấn thần, cho nên mặc dù cột đá rất nặng, nhưng hai người vẫn khênh được một cột đá đi qua 3 cái quèn (3 quèn này thuộc địa phận thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư -

đây là đường vào đền Trần theo lối đi qua Tam Cốc, đến suối Tiên, từ đó leo đèo) vào đền đều không thấy nặng, đi lại vẫn dễ dàng.

Ngày nay, đền Trần không chỉ là nơi tôn nghiêm thờ thần, mà còn là điểm tham quan du lịch của du khách trong và ngoài nước. Đến đây, không chỉ để lễ thần mà du khách còn được ngắm nhìn các cột đá rất ngoạn mục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 - Chùa cổ Việt Nam - Nhiều tác giả - Vũ Ngọc Khánh (chủ biên) - NXB Thanh niên - Hà Nội - 2006.

2 - Di tích Lịch sử Văn hoá Việt Nam - Nhiều tác giả - NXB KHXH - Hà Nội - 1991

3 - Đại Việt sử ký toàn thư - tập I - NXB KHXH - Hà Nội - 1998.

4 - Đại Nam nhất thống chí - tập III - NXB KHXH - Hà Nội - 1971

5 - Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên - Nguyễn Tử Mẫn - NXB Chính trị Quốc gia - 2001

6 - Đạo Mẫu ở Việt Nam - NXB Văn hoá Thông tin - 1996.

7 - Ngũ Bách La Hán - NXB Yên Sơn - Bắc Kinh - 1991 (Bản dịch đánh vần gồm 520 trang của Phạm Đức Hân và Phạm Văn Tuấn).

MỤC LỤC

Trang

● CHÙA BÁI ĐÍNH - KHU TÂM LINH LỚN NHẤT VIỆT NAM	3
- Địa điểm xây dựng	5
- Diện tích xây dựng lớn nhất Việt Nam	9
- Quy mô xây dựng	10
01 - Tam quan Nội lớn nhất Việt Nam	12
02 - Vườn cây thảo cỏ	15
03 - Tháp chuông có chuông đồng lớn nhất Việt Nam	16
04 - Vườn hoa thảo cỏ	18
05 - Điện Quan Thế Âm Bồ Tát có pho tượng Quan Thế Âm Bồ Tát bằng đồng lớn nhất Việt Nam	18
06 - Hồ Phóng sinh	25
07 - Sân lát đá	27
08 - Điện thờ Phật Tổ có pho tượng Thích Ca Mâu Ni bằng đồng lớn nhất Việt Nam	28

09 - Vườn tượng Phật tích bằng đá	40
10 - Tháp Bồ Đề 9 tầng	41
11 - Tòa Tam Thế có 3 pho tượng Phật Tam Thế bằng đồng lớn nhất Việt Nam	42
12 - Hành lang La Hán có số lượng tượng La Hán đá lớn nhất Việt Nam	51
13 - Giếng Ngọc là giếng lớn nhất Việt Nam	63
● THIÊN SƯ NGUYỄN MINH KHÔNG (1066 - 1141) - NGƯỜI LẬP CHÙA TRÊN NÚI BÁI ĐÍNH	69
● CHÙA BÁI ĐÍNH TRÊN NÚI BÁI ĐÍNH	86
● QUÂN THỂ XUYÊN THUỶ ĐỘNG TRÀNG AN	106
● PHỦ KHỔNG	114
● PHỦ ĐỘT	120
● ĐỀN TRẦN	124
Tài liệu tham khảo	131

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

19 – Nguyễn Bình Khiêm – Hà Nội

Điện thoại: 04.8263070 – 04.9434239 – Fax: 04.9434237

Email: nxbvanhoadantoc@yahoo.com.vn

Chi nhánh số 7 Nguyễn Thị Minh Khai – Q1-TP.Hồ Chí Minh

ĐT: (08)8222895

CHÙA BÁI ĐÍNH

Chịu trách nhiệm xuất bản

LƯU XUÂN LÝ

Biên tập: NGUYỄN THỊ CHÍNH

Thiết kế bìa: STARBOOKS

Ảnh bìa 1: Tòa Tam Thế chùa Bái Đính

Ảnh: Ninh Mạnh Thắng

Ảnh bìa 4: Sơ đồ khu chùa Bái Đính mới

Ảnh: TL

Sửa bản in: TÁC GIẢ

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Công ty cổ phần in Nam Định.
Số in 191. Đăng ký KHXB số 757-2008/CXB/21-299/VHDT.
Quyết định XB số: 198/QĐ-VHDT ngày 26/9/2008.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2008.



Sơ đồ khu chùa Bái Đính mới

Giá: 30.000 đ